

Số: **698**/BC-UBND

Đắk Nông, ngày **25** tháng 11 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và  
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện Chương trình Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh Khóa IV, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 như sau:

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022**

Năm 2022, là năm có ý nghĩa quan trọng, khẳng định tiến trình phục hồi bền vững và thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả với dịch bệnh COVID-19, nhất là trong bối cảnh thế giới, trong nước có những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Ảnh hưởng của đại dịch vẫn còn kéo dài, cuộc xung đột Nga -Ukraina đã tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân, doanh nghiệp; Giá nhiên liệu (xăng, dầu, gas), vật liệu xây dựng; vật tư, phân bón đầu vào sản xuất nông nghiệp tăng cao ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống Nhân dân. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chủ động tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tích cực triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tại các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, bình ổn giá cả, kích cầu tiêu dùng; tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội. Với tinh thần đoàn kết, sự quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, bằng các giải pháp sáng tạo, linh hoạt, đồng bộ, tỉnh đã thực hiện tốt việc thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, khơi thông các điểm “nghẽn”, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế, vì vậy tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 cơ bản vẫn giữ được ổn định và đạt được những kết quả quan trọng và khá toàn diện. Cụ thể như sau:

## I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2022

### 1. Về công tác phòng, chống dịch COVID-19:

Trước tình hình dịch COVID-19 có những diễn biến phức tạp với biến chủng mới Omicron làm dịch bệnh lây lan nhanh hơn trong cộng đồng, Tỉnh ủy, UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về việc ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”; Đồng thời, chỉ đạo triển khai một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ. Tập trung nâng cao năng lực điều trị, giảm các ca bệnh chuyển nặng, giảm các trường hợp tử vong do dịch COVID-19. Tập trung triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắc xin cho toàn dân bảo đảm an toàn, hiệu quả. Qua đó, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được kiểm soát và trở lại hoạt động trong trạng thái bình thường mới.

Về tiêm chủng vắc xin COVID-19: Tổng số vắc xin thực nhận là 1.730.660 liều. Tính đến ngày 26/10/2022, kết quả tiêm mũi 3 cho đối tượng từ 18 tuổi trở lên đạt 89,47% (289.208/323.24 đối tượng); tiêm mũi 4 cho đối tượng suy giảm miễn dịch thể vừa đến nặng, người từ 18 tuổi trở lên, nhóm nguy cơ cao phơi nhiễm Covid-19 và các nhóm mở rộng đạt 96,41% (62.730/65.068 đối tượng); tiêm mũi 3 cho đối tượng trẻ em từ 12-17 tuổi đạt tỷ lệ 80,6% (47.403/58.790 đối tượng); tiêm mũi 1 cho đối tượng trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi đạt 95,42%; mũi 2 đạt 67,94%.

### 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022:

Kết quả triển khai thực hiện 11 nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2022 đề ra tại Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/12/2021 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ năm 2022 và Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, ước kết quả thực hiện cả năm như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2022 ước đạt 7,76% - **vượt kế hoạch** (kế hoạch là 7,5%). GRDP bình quân đầu người ước đạt 59,81 triệu đồng - **vượt kế hoạch** (kế hoạch là 52,86 triệu đồng).

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 19.280 tỷ đồng, tăng 14,5% so với năm 2021 - **vượt kế hoạch** (kế hoạch là 17.780 tỷ đồng).

(3) Thu ngân sách nhà nước ước đạt 3.475 tỷ đồng - **vượt kế hoạch** (Kế hoạch là 3.000 tỷ).

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 68%; tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt 99,2%; Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới đạt 82% - **đạt kế hoạch**.

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 20.941 lượt người - **vượt kế hoạch** (kế hoạch là 18.000 lượt người); đào tạo nghề cho 5.766 người - **vượt kế hoạch** (Kế hoạch là 4.000 người); tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 14% - **vượt kế hoạch** (kế hoạch là 11,2%).

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 3%, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm trên 5% - **đạt kế hoạch**.

(7) Y tế: Đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân; đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% - **đạt kế hoạch**.

(8) Giáo dục: Tăng thêm 11 trường đạt chuẩn quốc gia - **vượt kế hoạch** (Kế hoạch là 10 trường).

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 60,56% - **vượt kế hoạch** (Kế hoạch là 53%).

(10) Môi trường: Trồng mới rừng tập trung đạt 2.039,57 ha (đạt 122,9% kế hoạch); tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,5% - **đạt kế hoạch**.

(11) Nông thôn mới: Tăng thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế 38 xã); số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 16,42 tiêu chí; Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao - **đạt kế hoạch**.

*(Chi tiết như Phụ lục I kèm theo)*

### **3. Về phát triển kinh tế:**

#### **3.1. Tăng trưởng kinh tế:**

Theo công bố của Tổng cục Thống kê<sup>(1)</sup>, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP giá so sánh năm 2010) ước cả năm 2022 đạt 22.334,73 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 7,03%<sup>(2)</sup>. Tuy nhiên, dự kiến hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, đặc biệt là số tuyệt đối GRDP ước đạt 22.334,73 triệu đồng/KH 22.281,24 triệu đồng, tăng 0,24% nên dự báo tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2022 của tỉnh sẽ đạt 7,76%.

Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành năm 2022 ước đạt 40.226,01 tỷ đồng. GRDP bình quân đầu người ước đạt 59,81 triệu đồng, đạt 113,38% kế hoạch. Cơ cấu nền kinh tế đã có sự chuyển dịch: Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 38,49%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 20,08%; khu vực dịch vụ chiếm 37,18%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 4,25%.

Nhìn chung, tình hình kinh tế tiếp tục được phục hồi tích cực từ đầu năm 2022, các lĩnh vực cơ bản giữ được nhịp độ tăng trưởng, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định trở lại, các sản

<sup>1</sup> Tại Công văn số 11895/TCTK-TKQG ngày 02/8/2022 về thông báo số liệu GRDP ước tính lần 1 năm 2022

<sup>2</sup> Thấp hơn dự kiến tăng trưởng năm 2022 là 0,47 điểm % (KH trên 7,5%)..

phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ, sản xuất nông nghiệp vẫn giữ mức tăng khá trong bối cảnh ảnh hưởng bởi giá vật tư đầu vào tăng cao. Tình hình thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu của người dân, không có hiện tượng đầu cơ, tăng giá bất hợp lý góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, du lịch, văn hoá sôi động hơn, tạo cú hích cho phục hồi kinh tế nội tỉnh. Tuy nhiên, do ảnh hưởng kéo dài của dịch bệnh, tình hình xung đột giữa Nga – Ukraina, giá cả nguyên liệu đầu vào như xăng, dầu, gas, vật liệu xây dựng...tăng cao dẫn đến giá cả một số mặt hàng thiết yếu, lương thực, thực phẩm tăng theo, tác động tiêu cực đến đời sống của người dân và kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển kinh tế của tỉnh.

**3.2. Công nghiệp:** Ngành công nghiệp của tỉnh trong thời gian qua có bước phát triển và tăng trưởng khá, đã góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chỉ số sản xuất công nghiệp và giá trị sản xuất công nghiệp năm sau luôn cao hơn năm trước, đạt và vượt kế hoạch đã đề ra. Phát triển theo chiều sâu các ngành công nghiệp có lợi thế, từng bước hình thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường. Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Bước đầu khai thác và phát huy tốt các tiềm năng về công nghiệp chế biến nông, lâm sản, công nghiệp nhẹ và năng lượng; công nghiệp khai khoáng và chế biến khoáng sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn<sup>3</sup>; chuẩn bị triển khai xây dựng Khu công nghiệp Nhân Cơ 2, hình thành định hướng chuỗi công nghiệp Alumin – luyện nhôm và sau nhôm. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 ước tăng 11% so với năm 2021.

*(Kết quả sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm 2022 như Phụ lục II kèm theo)*

### **3. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

Quy mô và sản lượng nông nghiệp tăng đáng kể, hầu hết diện tích và sản lượng các cây công nghiệp chủ lực của tỉnh tăng cao. Năng suất các cây trồng tăng nhờ vào việc cải thiện chất lượng giống cây trồng, cơ cấu cây trồng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và triển khai chương trình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao. Tình hình chăn nuôi trong nhiều năm qua có những chuyển biến tích cực, từ quy mô nhỏ lẻ sang trang trại tập trung, thị trường đầu ra ổn định do người dân liên kết chăn nuôi với các công ty chăn nuôi lớn, một số vật nuôi tăng mạnh do thực hiện các Đề án, chương trình, dự án, chính sách định hướng phát triển của tỉnh phát huy hiệu quả. Nuôi trồng và khai thác thủy sản gia tăng ổn định hàng năm, người dân đã tích cực tận dụng thêm mặt nước tại các hồ thủy điện để nuôi cá lồng, bè, hình thành và phát triển những vùng chuyên canh.

<sup>3</sup> Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên địa bàn tỉnh sản xuất ổn định và ước tăng trưởng so với thực hiện năm 2021 như: Đá xây dựng các loại đạt 1.150 nghìn m<sup>3</sup> tăng 3,6% so với thực hiện năm 2021, Cốt công nghiệp ước đạt 14.500 tấn, tăng 2,3%, cà phê bột ước đạt 1.890 tấn, tăng 11,2%, Ván MDF ước đạt 52.000 m<sup>3</sup>, tăng 2,8%, Tinh bột sắn ước đạt 30.000 tấn, tăng 12%, Điện thương phẩm ước đạt 812 tr. Kwh, tăng 10,8%, Điện sản xuất ước đạt 2.550 tr.kwh tăng 24,4%, Alumin ước đạt 720 nghìn tấn bằng thực hiện năm 2021.

## a) Trồng trọt:

Tình hình sản xuất nông nghiệp trong năm trên địa bàn tỉnh diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi; tiến độ gieo trồng và thu hoạch cơ bản đảm bảo. Kết quả: Diện tích sản xuất các cây trồng chủ yếu năm 2022 ước đạt 304.708 ha, đạt 100,2% KH, tăng 3.922 ha so với năm 2021 (tăng 1,3%)<sup>4</sup>. Cụ thể:

Đối với cây trồng hằng năm: diện tích gieo trồng ước đạt: 83.477 ha, đạt 97,06 % so với KH, tăng 3.015 ha so với năm 2021. Kết quả theo từng mùa vụ như: i) *Vụ Đông Xuân 2021-2022*: Gieo trồng 10.318,6 ha, đạt 101,2% KH; Thu hoạch đạt 10.318,6 ha, đạt 100% GT; ii) *Vụ Hè Thu 2022*: Gieo trồng đạt 53.148 ha, đạt 86,17% KH, nhưng cao hơn so với năm trước 4.582 ha; Thu hoạch đến nay đạt 45.494 ha TH/53.148 ha GT (đạt 85,60%) nhanh hơn so với cùng kỳ năm trước 27 ha; iii) *Vụ Thu Đông 2022-2023*: Gieo trồng đạt 20.135,2 ha/24.148,8 ha KH (đạt 83,4%KH), nhanh hơn cùng kỳ năm trước 6,2 ha.

Đối với cây lâu năm: Trồng mới cây lâu năm đạt 4.969,5 ha, nhiều hơn cùng kỳ năm trước 326,6 ha (cùng kỳ năm trước 4.642,9 ha).

Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 355.836 tấn đạt 100,43% KH; sản lượng cà phê ước đạt 344.400 tấn đạt 100,62% KH; sản lượng Hồ tiêu đạt 58.000 tấn đạt 95,7% KH; sản lượng cao su ước đạt 35.200 tấn đạt 100% KH.

Tình hình dịch bệnh hại trên cây trồng đã được kiểm soát tốt; diện tích cây Hồ tiêu nhiễm bệnh có phát sinh nhưng mức độ chậm, không có hiện tượng lây lan diện rộng. Dịch hại trên các loại cây trồng một số đối tượng sâu, bệnh gây hại rải rác, tỷ lệ bệnh hại thấp. Trong 10 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh có khoảng 19 ha diện tích Hồ tiêu nhiễm bệnh chết nhanh, chết chậm.

## b) Chăn nuôi và thủy sản:

Chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi tương đối ổn định; đàn lợn, dê phát triển mạnh, ước thực hiện cuối năm vượt kế hoạch năm, tuy nhiên đối với tổng đàn trâu, bò có khả năng không đạt kế hoạch đề ra do hiệu quả chăn nuôi thấp, cụ thể: Tổng đàn lợn 450.800 con (đạt 112,7% kế hoạch năm); tổng đàn bò 27.400 con (đạt 88,39% kế hoạch năm) và tổng đàn trâu có 3.100 con (đạt 62% kế hoạch năm); tổng đàn gia cầm có 2.400.000 con (đạt 85,71 % kế hoạch năm); tổng đàn dê có 46.606 con con (đạt 86,31% KH năm).

Về tình hình dịch bệnh: Xảy ra rải rác dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên địa bàn 20 xã của 07 huyện, thành phố<sup>5</sup>. Bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò xảy ra tại 04 xã, thị trấn của 02 huyện<sup>6</sup>. Đến nay đã triển khai tiêm được 21.753 liều vắc xin phòng bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò; 18.371/19.800 liều vắc xin phòng bệnh Dịch tả lợn; đạt tỷ lệ 93% so với kế hoạch của tỉnh, hiện nay đã có 04/08 huyện hoàn thành công tác tiêm phòng. Các địa phương triển khai đồng

<sup>4</sup> Do tăng diện tích đối với các loại cây trồng: khoai lang, ngô, lạc, đậu nành, chanh dây, cao su, mắc ca, bơ

<sup>5</sup> Từ đầu năm đến nay phát sinh 1.508 con/85.769kg/47 hộ/26 thôn, bon, bản/20 xã, phường/07 huyện, thành phố

<sup>6</sup> Đến nay số bò mắc bệnh là 22 con/07 con chết và tiêu hủy/khối lượng 668kg/07 hộ/06 thôn/04 xã/02 huyện (Cư Jút và Krông Nô)

bộ các biện pháp phòng, chống, khống chế dịch bệnh trên vật nuôi, tiến hành công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng, không để dịch lây lan diện rộng.

Về thủy sản: Diện tích nuôi chủ yếu là ao hồ nhỏ, nuôi nhỏ lẻ phân tán trong dân, nuôi một vụ theo hình thức quảng canh hoặc quảng canh cải tiến nên năng suất, sản lượng thấp. Sản lượng chủ yếu tập trung ở nuôi cá lồng bè. Nuôi cá lồng bè thời gian gần đây đang được người dân chú trọng phát triển nuôi trên các hồ thủy điện, thủy lợi, sông. Việc cơ cấu lại ngành thủy sản chưa chuyển biến rõ nét, nguồn lực cho phát triển thủy sản còn nhiều hạn chế, chưa đầu tư được cho phát triển thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước khoảng 1.950 ha, tổng sản lượng 7.310 tấn<sup>7</sup> (đạt 90,68% so với KH năm). Sản xuất cung ứng thị trường 702.000 con cá giống các loại, tương đương sản lượng 10.105kg, đạt 100% KH.

c) Lâm nghiệp: Từ đầu năm đến nay, xảy ra 432 vụ<sup>8</sup>, giảm 18,8% số vụ so với cùng kỳ năm 2021; riêng hành vi phá rừng trái pháp luật phát hiện và lập hồ sơ xử lý 302 vụ với diện tích thiệt hại 62,2327 ha, so cùng kỳ năm trước giảm 6,79% (giảm 22 vụ); diện tích thiệt hại giảm 19,67% (giảm 15,2376 ha). Kết quả xử lý: 313 vụ (tồn năm 2021 chuyển qua 44 vụ), trong đó: Xử lý hành chính 300 vụ, chuyển hồ sơ tiếp tục điều tra 07 vụ, xử lý hình sự 06 vụ; tồn đọng chưa xử lý 163 vụ; Lâm sản tịch thu 48,762 m<sup>3</sup> gỗ các loại; Phương tiện tịch thu 29 máy móc và phương tiện các loại. Tiền thu sau xử lý 1.349,396 triệu đồng.

Đến nay, đã trồng được 2.039,57 ha rừng, đạt 122,9% kế hoạch giao (Trồng rừng tập trung 1.012,44 ha, trồng cây phân tán 275,60 ha, Nông lâm kết hợp 751,53 ha). Số liệu công bố diễn biến rừng đến ngày 31/12/2021, tổng diện tích đất có rừng 248.343,79 ha đất có rừng, đến thời điểm hiện tại tổng diện tích đất có rừng 248.343,79 ha đất có rừng, trong đó: 212.433,15 ha thuộc quy hoạch ba loại rừng (196.203,95 ha rừng tự nhiên và 16.229,20 ha rừng trồng); 35.910,64 ha ngoài quy hoạch ba loại rừng (154,37 ha rừng tự nhiên và 35.756,27 ha rừng trồng). Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,15%; ước tỷ lệ che phủ rừng năm 2022 là 38,5% đạt 100% kế hoạch.

d) Nông thôn mới: Đến nay toàn tỉnh đã có 35/60 xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>(9)</sup>, chiếm 58,3%; bình quân mỗi xã đạt 16,42 tiêu chí/xã và không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí<sup>10</sup>. Có 02/7 huyện đã có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn

<sup>7</sup> trong đó từ nuôi trồng thủy sản: 6.420 tấn, khai thác thủy sản: 890 tấn

<sup>8</sup> Phá rừng trái pháp luật 302 vụ, diện tích thiệt hại 62,2327 ha; khai thác rừng trái pháp luật 30 vụ, khối lượng 70,627 m<sup>3</sup> gỗ các loại; lấn chiếm rừng 01 vụ; vi phạm quy định về PCCCR 06 vụ; vi phạm quy định về bảo vệ động vật rừng 04 vụ; vận chuyển, tàng trữ, mua bán, chế biến DVR trái pháp luật 05 vụ; vận chuyển, tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật 73 vụ; vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản 05 vụ; vi phạm quy định về quản lý rừng bền vững 06 vụ

<sup>9</sup> Huyện Cư Jút có 7/7 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 19 tiêu chí; huyện Đắk Mil có 7/9 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 17,33 tiêu chí; huyện Đắk Song có 5/8 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 17,25 tiêu chí; huyện Đắk R'lấp có 10/10 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 19 tiêu chí; huyện Krông Nô có 3/11 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 15,45 tiêu chí; huyện Tuy Đức chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân mỗi xã đạt 12 tiêu chí; huyện Đắk Glong có 1/7 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 12,57 tiêu chí; Thành phố Gia Nghĩa có 100% số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

<sup>10</sup> Kết quả theo từng nhóm như sau: Đạt 19 tiêu chí có 35 xã, chiếm 58,3%; đạt từ 15-18 tiêu chí có 6 xã, chiếm 10%; đạt từ 10-14 tiêu chí có 19 xã, chiếm 31,7%

nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020 (*huyện Cư Jút và huyện Đắk R'lấp*). Hiện nay, còn huyện Tuy Đức chưa có xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Thành phố Gia Nghĩa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 tại Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 18/4/2022. Dự kiến đến cuối năm 2022 có thêm 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100% kế hoạch; có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 100% kế hoạch; chỉ tiêu bình quân mỗi xã đạt 16,5 tiêu chí nông thôn mới, đạt kế hoạch.

(*Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất các ngành, lĩnh vực năm 2022 như Phụ lục II kèm theo*)

### **3.4. Thương mại, dịch vụ và du lịch:**

a) Thương mại: Tình hình thị trường hàng hoá trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân; lượng hàng hoá phục vụ các ngày Lễ, Tết phong phú, đa dạng về chủng loại, mẫu mã và đảm bảo chất lượng. Tình hình giá cả ở hầu hết các mặt hàng đều có xu hướng tăng do chịu sức ép tăng giá xăng dầu và gas, chi phí sản xuất đầu vào của tất cả các ngành sản xuất, dịch vụ đều bị ảnh hưởng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước thực hiện đến hết năm 2022 đạt 19.312 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch 17.200 tỷ đồng) và tăng 21% so với năm 2021.

b) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): Nhìn chung, giá cả các mặt tăng nhẹ so với cùng kỳ và tăng hầu hết ở các nhóm hàng hóa thiết yếu. Bình quân 9 tháng năm 2022, CPI tăng 2,11% so với bình quân cùng kỳ, trong đó tăng cao nhất là nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (tăng 7,2%), nhóm giao thông (tăng 5,93%), nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (tăng 2,95%).

c) Xuất, nhập khẩu: Năm 2022, tình hình kinh tế thế giới vẫn duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu dần được khơi thông, tạo điều kiện cho việc xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh. Kim ngạch xuất khẩu trong năm dự kiến đạt 1.170 triệu USD, tăng 21% so thực hiện năm 2021 và đạt kế hoạch đề ra; Kim ngạch nhập khẩu trong năm dự kiến đạt 330 triệu USD, giảm 36% so với thực hiện năm 2021, đạt kế hoạch đề ra, do nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ các dự án năng lượng tái tạo giảm so với năm trước.

d) Vận tải hành khách và hàng hóa: Khối lượng hành khách vận chuyên ước đạt 2.595.000 hành khách, tăng 30,91% so với cùng kỳ; sản lượng hành khách luân chuyển là 536.111.000 HK.Km, tăng 62,81% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa vận chuyên là 4.111.000 Tấn, tăng 22,91% so với cùng kỳ; sản lượng hàng hóa luân chuyển là 452.586.000 Tấn.Km, tăng 17,7% so với cùng kỳ.

e) Du lịch: Nhằm khôi phục và phát triển hoạt động du lịch sau đại dịch, ngày 19/4/2022 UBND tỉnh đã ban hành Phương án số 195/PA-UBND về mở cửa lại hoạt động du lịch trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh, trong đó triển khai đón khách du lịch quốc tế đến tham quan, du lịch trở lại trên địa bàn tỉnh trong điều kiện bình thường mới, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu

quả dịch bệnh Covid-19; mặt khác các cơ sở kinh doanh du lịch đã chú trọng trong công tác đầu tư, xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở thêm nhiều loại hình dịch vụ mới phù hợp với thị hiếu của du khách vì vậy hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn có nhiều khởi sắc, du khách đến tham quan, du lịch trên địa bàn tỉnh tăng mạnh, đặc biệt là trong các dịp lễ.

Lũy kế 10 tháng đầu năm 2022 ước đạt 435.250 lượt khách, tăng 262% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó khách quốc tế ước đạt 1.379 lượt, tăng 105,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng lượt khách lưu trú ước đạt 103,900 lượt khách. Tổng lượt khách du lịch đến Đắc Nông ước thực hiện cả năm 2022 đạt 480.000 lượt, tăng 280,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó khách quốc tế ước đạt 2.500 lượt, tăng 257,1% so với cùng kỳ năm 2021.

### **3.5. Đầu tư phát triển:**

a) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 19.279,8 tỷ đồng, tăng 14,49% so với cùng kỳ và đạt 100,31% kế hoạch.

b) Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2022 là 2.671,142 tỷ đồng. Đến ngày 20/11/2022 đã giải ngân được 1.1396.832 tỷ đồng/2.671,142 tỷ đồng, đạt 52,3%. Ước tỷ lệ giải ngân chung cả năm 2022 đạt trên 97%.

c) Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong 10 tháng năm 2022, không thu hút được dự án FDI. Tổng số dự án FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh hiện nay là 10 dự án với tổng mức đầu tư đăng ký hơn 218,9 triệu USD. Trong thời gian qua các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

d) Thu hút và xúc tiến đầu tư: Trong 10 tháng năm 2022, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư đối với 13 dự án đầu tư ngoài ngân sách (giảm 05 dự án so với cùng kỳ năm 2021) với tổng mức đầu tư đăng ký là 1.043 tỷ đồng (giảm 1.781 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021). Do số dự án thu hút đầu tư giảm, quy mô nhỏ, dẫn đến tổng mức đầu tư giảm so với cùng kỳ (giảm 63,1%).

### **3.6. Tài chính, thu chi ngân sách:**

a) Ngân hàng: Hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn được củng cố và phát triển, mạng lưới hoạt động được mở rộng, phủ khắp địa bàn các huyện, thành phố, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Kết quả hoạt động ngân hàng năm 2022 như sau:

- Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 17.200 tỷ đồng, tăng 2.805 tỷ đồng (18,12%) so với đầu năm. Kết quả tăng trưởng tín dụng trên địa bàn tương đối ổn định, ước đến cuối năm 2022, tổng dư nợ cho vay đạt 39.378 tỷ đồng, tăng 4.836 tỷ (14%) so với đầu năm, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổng dư nợ cho vay ước đạt 39.041 tỷ đồng, tăng 4.499 tỷ đồng (13,03%) so với đầu năm.

- Đến nay, mạng lưới hoạt động trên địa bàn gồm 14 tổ chức tín dụng<sup>11</sup>, trong đó: 04 Chi nhánh ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước<sup>12</sup>, 06 Chi nhánh

<sup>11</sup> với 44 Chi nhánh, Phòng giao dịch trực thuộc và phủ khắp tại địa bàn các huyện, thành phố



ngân hàng thương mại cổ phần<sup>(13)</sup>; 01 Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội và 03 Quỹ tín dụng nhân dân<sup>(14)</sup>.

- Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán dịch vụ công tiếp tục được ngành Ngân hàng trên địa bàn phát triển tích cực, khối lượng và giá trị giao dịch tăng mạnh góp phần tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 80 ATM và 307 máy POS đang hoạt động. Số đơn vị trả lương qua tài khoản đến nay là 1.022 đơn vị, trong đó có 846 đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước. 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký nộp thuế điện tử.

#### b) Thu, chi ngân sách:

- Tổng thu ngân sách nhà nước 10 tháng năm 2022 là 2.939 tỷ đồng, đạt 114% so với dự toán trung ương giao, đạt 98% dự toán địa phương<sup>15</sup>. Ước thực hiện đến hết năm 2022 là 3.475 tỷ đồng<sup>(16)</sup> vượt kế hoạch HĐND tỉnh giao (trên 3.000 tỷ đồng) và giảm 1,94% so với số thực hiện năm 2021. Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước đạt tiến độ đề ra.

- Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 10 tháng năm 2022 là 5.604 tỷ đồng, ước đạt 72% dự toán<sup>17</sup>. Ước thực hiện đến hết năm là 8.968 tỷ đồng, đạt 121,2% dự toán Trung ương giao và đạt 117,46% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 26,95% so với cùng kỳ 2021. Nhìn chung, chi ngân sách địa phương được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ đề ra.

### 3.7. Doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh:

a) Phát triển doanh nghiệp: Trong 10 tháng năm có 627 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 38,7% so với cùng kỳ; vốn đăng ký là 4.513 tỷ đồng, giảm 0,3% so với cùng kỳ. Có 99 doanh nghiệp giải thể, tăng 88% so với cùng kỳ; 197 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 52% so với cùng kỳ.

#### b) Cải thiện chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI):

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 26/01/2022 về triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022. Đồng thời, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh,

<sup>12</sup> NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; NHTMCP Đầu tư và Phát triển; NHTMCP Công thương và NHTMCP Ngoại thương.

<sup>13</sup> NHTMCP Sài Gòn Thương tín, Đông Á, Bưu điện Liên Việt; Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Nam Á và Bản Việt.

<sup>14</sup> QTDND Thị trấn Đắc Mil, QTDND Đắc Nông và QTDND Thành Đức.

<sup>15</sup> Thu nội địa là 2.807 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 124 tỷ đồng, Các khoản thu huy động đóng góp: 7,8 tỷ đồng

<sup>16</sup> Bao gồm: Thu nội địa 2.850 tỷ đồng, đạt 118% dự toán và giảm 2% so với số thực hiện năm trước; Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 170 tỷ đồng, đạt 104% dự toán và giảm 72% so với số thực hiện năm trước; Thu từ huy động, đóng góp là 07 tỷ đồng.

<sup>17</sup> Chi đầu tư phát triển là 2.173 tỷ đồng, chi thường xuyên 3.428 tỷ đồng, chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay là 1 tỷ đồng;

nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 theo Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai Chương trình số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành đã xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường công tác hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; triển khai các giải pháp hỗ trợ về thị trường, lao động, thuế .... Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã làm việc với các tổ chức tín dụng và thống nhất triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch và mở rộng cho vay mới nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, quyết tâm thực hiện mục tiêu kép vừa quyết liệt phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội; chỉ đạo tăng cường thực hiện đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tham dự thầu phù hợp với tình hình dịch bệnh. Tổ chức thành công Hội nghị Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh năm 2022. Qua đó, UBND tỉnh và các doanh nghiệp cùng trao đổi, thảo luận nhằm tìm cách tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để thu hút nhà đầu tư vào địa phương. Tại Hội nghị này, các chuyên gia và đại diện các tập đoàn kinh tế đã chia sẻ những khó khăn, thách thức khi đầu tư vào Đắk Nông cũng như các giải pháp kêu gọi đầu tư, giúp phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

### **3.8. Đô thị, xây dựng và kết cấu hạ tầng:**

a) Đô thị, xây dựng: Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn tỉnh từng bước đi vào nề nếp, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, nhất là trong quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình... Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung đô thị nhằm đạt các tiêu chuẩn, điều kiện để triển khai nâng cấp đô thị trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 1 đô thị loại III (thành phố Gia Nghĩa); 03 đô thị loại IV (thị trấn Ea T'ling, thị trấn Đắk Mil và thị trấn Kiên Đức); 05 đô thị loại V (thị trấn Đắk Mâm; thị trấn Đức An; xã Nam Dong; xã Quảng Khê và xã Đắk Búk So); Tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%, đạt kế hoạch.

#### **b) Kết cấu hạ tầng:**

Trong 10 tháng đầu năm 2022, toàn tỉnh đầu tư được 70km đường nâng tỷ lệ nhựa hóa đường toàn tỉnh từ 66% lên 67,5%.

Hiện nay, toàn tỉnh có 02 khu công nghiệp đã được thành lập là Khu công nghiệp Tâm Thắng với diện tích: 179,19 ha và Khu công nghiệp Nhân Cơ với diện tích 148 ha ; 01 khu công nghiệp nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2020 (Khu công nghiệp Nhân Cơ 2 với diện tích 400 ha). Trên địa bàn tỉnh có 02 cụm công nghiệp cơ bản hoàn thiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, gồm: cụm công nghiệp Thuận An đã thu hút 17 dự án đầu tư, với diện tích đất thuê lại là 16,29 ha; số vốn đăng ký đầu tư khoảng 300,4 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho khoảng 200 lao động và tỷ lệ lấp

đầy giai đoạn I đạt 93,7%. Cụm công nghiệp BMC, đến nay mới chỉ có 01 nhà đầu tư thuê đất với diện tích là 1,2 ha, hiện đang đầu tư xây dựng nhà xưởng.

Hạ tầng cấp điện: Đến nay trên địa bàn tỉnh có 2.096km đường dây trung áp, 2.323km đường dây hạ áp và 2.249 trạm biến áp với tổng dung lượng 391.989kVA. Lưới điện được đầu tư đến 71 xã, phường, thị trấn trên địa các huyện, thành phố. Lưới điện cơ bản đáp ứng phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân. Tỷ lệ hộ được sử dụng điện của tỉnh ước đạt 99,2%, tỷ lệ thôn, buôn có lưới điện quốc gia đạt 100%.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 46 chợ đang hoạt động được phân bố trên 42 xã, phường và thị trấn (còn lại 29 xã, phường chưa có chợ); 01 Trung tâm thương mại Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp; 01 Siêu thị hạng III tại thành phố Gia Nghĩa; 01 trung tâm phức hợp, huyện Cư Jút. Hiện tại, đang triển khai xây dựng Trung tâm thương mại Đắk Mil tại huyện Đắk Mil với tổng vốn đầu tư 645 tỷ đồng, diện tích 7.526,5 m<sup>2</sup>.

### **3.9. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội:**

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, ngày 12/4/2022 UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Chương trình số 1765/CTr-UBND về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội các năm 2022, 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, triển khai thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 227/KH-UBND, ngày 06/5/2022 triển khai chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt hỗ trợ cho 11 đối tượng với số tiền là 16.500.000 đồng, đến hết ngày 03/8/2022 đã thực hiện hỗ trợ cho 11 đối tượng theo quy định. Đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương triển khai thực hiện Công điện số 431/CD-TTg ngày 19/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp triển khai hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động, phát triển thị trường lao động, đảm bảo an sinh xã hội; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo việc làm bền vững, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân lao động và hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN<sup>18</sup>

Tỉnh Đắk Nông đã thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, với tổng mức đầu tư các dự án là 262.000 triệu đồng thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, theo đúng mức vốn thông báo của Thủ tướng

<sup>18</sup> Đến ngày 30/9/2022 đã giải ngân cho vay hỗ trợ lãi suất cho 10 khách hàng (05 doanh nghiệp, 1 hợp tác xã và 4 hộ kinh doanh), với doanh số cho vay đạt 45 tỷ đồng, số tiền lãi đã hỗ trợ đạt 30 triệu đồng

Chính phủ<sup>19</sup> và đảm bảo theo các mục tiêu đặt ra của chương trình, dự kiến thời gian thực hiện năm 2022-2023. Đồng thời, UBND tỉnh đã đăng ký nhu cầu bổ sung vốn thuộc lĩnh vực y tế với số tiền là 23.000 triệu đồng

**3.10. Công tác lập Quy hoạch tỉnh:** UBND tỉnh xác định nhiệm vụ lập “Quy hoạch tỉnh Đăk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; Đến nay, Đơn vị tư vấn đã bổ sung và hoàn thiện dự thảo báo cáo cuối kỳ Quy hoạch tỉnh Đăk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, trên cơ sở đó, ngày 16/9/2022, UBND tỉnh đã tổ chức Hội thảo góp ý quy hoạch tỉnh Đăk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Hội thảo có sự tham dự của gần 200 đại biểu gồm các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy; lãnh đạo tỉnh Đăk Nông qua các thời kỳ; đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Liên doanh tư vấn lập quy hoạch tỉnh Đăk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; chuyên gia, nhà khoa học thuộc các lĩnh vực quy hoạch; đại diện các tập đoàn kinh tế lớn... Ngay sau Hội thảo, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tiếp thu tối đa ý kiến góp ý để hoàn thiện quy hoạch, trình xin ý kiến các bộ, ngành trung ương và các địa phương lân cận. Hiện nay đang tổng hợp hoàn thiện đề trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh cho ý kiến đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 12/2022.

#### **4. Về phát triển văn hóa - xã hội**

##### **4.1. Văn hóa:**

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ các sự kiện chính trị của đất nước cũng như của địa phương. Đặc biệt tổ chức thành công Liên hoan văn nghệ quần chúng tỉnh Đăk Nông lần thứ VIII, năm 2022; tổ chức thành công chương trình nghệ thuật “Đăk Nông một tình yêu” nhân dịp kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2022); Tổ chức Hội thi nấu ăn với chủ đề “Bữa cơm gia đình áp áp yêu thương” nhân dịp kỷ niệm 21 năm Ngày Gia đình Việt Nam (28/6/2001-28/6/2022); Tổ chức Triển lãm tranh pano tầm lớn tuyên truyền Kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2022). Ngoài ra, còn tổ chức 35 buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ cơ sở; 30 chương trình văn nghệ phục vụ các sự kiện chính trị của tỉnh.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm triển khai thực hiện. Suu tầm được 1.948 hiện vật<sup>20</sup>. Hoàn thiện hồ sơ cho 4.290 hiện vật gồm: 2.813 hiện vật xương, 887 hiện vật gốm, 590 hiện vật văn hóa dân tộc trong bộ sưu tập hiện vật khai quật được tại hang động núi lửa Krông Nô và hiện vật do các nhà sưu tập tỉnh Bình Thuận hiến tặng. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện các loại bản đồ Di tích lịch sử Sở chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên và Di tích địa điểm khảo cổ Hang động núi lửa C6-1 (Krông Nô).

<sup>19</sup> Tại Công văn số 450/TTg-KTTH ngày 20/5/2022, Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 về danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

<sup>20</sup> trong đó, 1.909 hiện vật khảo cổ học, 29 hiện vật văn hóa dân tộc phong phú và mỹ thuật cao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở, được các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và đã đạt được những kết quả quan trọng. Đến nay, toàn tỉnh có 131.494/151.359 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 86,87% (Kế hoạch 85,5%); 641/713 thôn, bon, buôn, tổ dân phố được công nhận thôn văn hóa đạt tỷ lệ 89,90% (Kế hoạch 85,5%); 824/859 cơ quan đơn vị đạt văn hóa đạt tỷ lệ 95,92% (Kế hoạch 93%) và 43/71 xã văn hoá nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh đô thị đạt tỷ lệ 60,56% (Kế hoạch 53,0%).

**4.2. Thể dục và thể thao:** Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được đẩy mạnh từ tỉnh đến cơ sở và đã có những bước phát triển sâu rộng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông lần thứ V diễn ra thành công tốt đẹp, thu hút đông đảo các vận động viên tham gia ở nhiều bộ môn, qua đó đã lựa chọn được các vận động viên xuất sắc để tham gia các giải thi đấu quốc gia và quốc tế. Ngoài ra năm 2022, đã tổ chức thành công 07 giải thể thao cấp tỉnh, tham gia giải Đua thuyền Rowing và Canoeing vô địch trẻ quốc gia năm 2022, kết quả Đoàn Đắk Nông đã giành 2 huy chương đồng ở môn Canoeing.

Thành lập các đoàn VĐV tham gia 06 giải thi đấu toàn quốc, kết đạt được 18 huy chương các loại, trong đó có 02 HCV, 06 HCB, 10 HCD. Đặc biệt, vận động viên Vũ Trường Giang tham gia thi đấu Seagame 31, đạt huy chương Đồng môn Kickboxing hạng cân 63,5kg.

### **4.3. Giáo dục và đào tạo:**

UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của ngành như: hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021-2022, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương với mục tiêu kép là vừa đảm bảo chất lượng giáo dục, vừa phòng chống dịch hiệu quả. Quy mô giáo dục phát triển ổn định, chất lượng đào tạo cũng từng bước được cải thiện, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực có chất lượng cho địa phương và các tỉnh lân cận. Cơ bản triển khai có hiệu quả việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, mà trước hết là đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 6 năm học 2021-2022. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 theo kế hoạch đề ra. Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tu bổ trường lớp, công trình nhà vệ sinh, tường rào; tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học 2022-2023 và thực hiện Chương trình GDPT mới.

Giáo dục mầm non có 126 trường với 32.970 trẻ/1.300 nhóm lớp (có 36 trường với 8.256 học sinh/354 nhóm, lớp ngoài công lập). Các cơ sở giáo dục mầm non đã xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích và đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục mầm non. Toàn tỉnh có 8/8 huyện, thành phố

duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, Tỷ lệ trẻ nhà trẻ ra lớp là 11,3 %; trẻ 3-5 tuổi ra lớp là 78,08%, trẻ 5 tuổi ra lớp là 99,4%.

Cấp tiểu học có 121 trường với 74.518 học sinh/2.394 lớp (có 02 trường với 411 học sinh/19 lớp ngoài công lập). Các cơ sở giáo dục đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc. Kết quả năm học 2021-2022, tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình lớp học đạt 96,16%, trong đó, tỷ lệ học sinh lớp 1, lớp 2 hoàn thành chương trình lớp học đạt là 90,52% và 96.1%.

Cấp THCS có 79 trường với 45.994 học sinh/1.233 lớp (có 02 trường với 835 học sinh/30 lớp ngoài công lập); cấp THPT có 32 trường với 21.110 học sinh/541 lớp 9 (có 01 trường THCS-THPT ngoài công lập, nhưng chưa có học sinh cấp THPT). Các cơ sở giáo dục trung học đã thực hiện đồng bộ việc đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, đánh giá học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh<sup>21</sup>.

Về mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN): Hiện nay, tỉnh Đắk Nông có 19 cơ sở GDNN và đơn vị có hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 01 Trường cao đẳng, 01 Trường Trung cấp, 07 trung tâm GDNN-GDTX công lập cấp huyện, 07 cơ sở GDNN ngoài công lập và 03 đơn vị khác có chức năng giáo dục nghề nghiệp (đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng); chưa thực hiện xây dựng và triển khai đào tạo chương trình đào tạo chất lượng cao.

Đẩy mạnh công tác kiểm định giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia. Trong 10 tháng đầu năm thực hiện đạt 100% chỉ tiêu về trường chuẩn, lũy kế đạt 176/317 trường công lập đạt chuẩn quốc gia.

**4.4. Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân:** Công tác chăm lo sức khỏe cho người dân luôn được quan tâm, chú trọng. Các cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo tốt việc trực và điều trị bệnh; triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, giám sát dịch bệnh hiệu quả. Tổ chức giám sát, hỗ trợ công tác phòng chống dịch tại các Trạm Y tế và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố. Tổng số bệnh nhân đến khám chữa bệnh tại tuyến tỉnh, huyện 10 tháng đầu năm: 406.270 lượt, giảm 12.318 lượt so với cùng kỳ (418.588 lượt); tổng số bệnh nhân đến khám, chữa bệnh tại tuyến xã: 116.364 lượt; Tổng số khám BHYT là 354.919 lượt, giảm 13.724 lượt so với cùng kỳ (368.643 lượt); Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của người dân trên địa bàn tỉnh đạt 81,3 %; đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân, đạt kế hoạch; đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân, vượt kế hoạch.

#### **4.5. Giảm nghèo và an sinh xã hội:**

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2021 – 2025 như sau: hộ nghèo có 18.290 hộ, 87.125 khẩu, chiếm tỷ lệ 11,19%; Hộ cận nghèo có 10.929 hộ, 47.760 khẩu, chiếm tỷ lệ 6,96%. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách liên quan đến hộ

<sup>21</sup> Kết quả năm học có 12,21% học sinh THCS, 15,2% học sinh THPT đạt học lực giỏi; 40,15% học sinh THCS, 43,1% học sinh THPT đạt học lực khá; học sinh trung bình lần lượt là 43,53% và 35,3%; học sinh yếu, kém chiếm 4,11% đối với THCS và 6,5% đối với học sinh THPT. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2022 đạt 96,72%

nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Hiện nay UBND tỉnh đang chỉ đạo các ngành, địa phương rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022.

Công tác đảm bảo an sinh xã hội luôn được tỉnh quan tâm, chú trọng thực hiện, trong đó công tác hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội<sup>(22)</sup>, công tác trợ giúp cộng đồng trên địa bàn tỉnh được thực hiện đầy đủ, kịp thời; tập trung chăm lo đời sống cho người có công, triển khai các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân dịp Lễ, Tết; kịp thời hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, tạo chuyển biến tích cực trong công cuộc giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ cơ bản cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Chỉ đạo các địa phương cấp phát gạo cho Nhân dân theo đúng thời gian quy định<sup>23</sup>, cụ thể: Thực hiện hỗ trợ gạo cứu đói dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, trợ giúp 01 tháng cho 7.610 hộ, 30.211 khẩu, là 452,085kg gạo; hỗ trợ cứu đói giáp hạt năm 2022 cho 8.209 hộ, 33.215 khẩu, là 498.225 kg gạo.

Trong 10 tháng đầu năm, từ nguồn quỹ đền ơn đáp nghĩa vận động được các địa phương và các đơn vị hỗ trợ xây dựng mới 07 căn nhà tình nghĩa với tổng trị giá 485 triệu đồng đạt 54% so với kế hoạch năm 2022.

#### **4.6. Đào tạo lao động và giải quyết việc làm:**

Số lao động được tạo việc làm là 14.686 lượt người, đạt 81,5% so với kế hoạch năm. Tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho 5.174 người đạt 129,3% kế hoạch.

Từ đầu năm đến nay, từ nguồn vốn hỗ trợ cho vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua ngân hàng CSXH cho vay giải quyết việc làm đã xét duyệt cho vay 3.723 dự án với số tiền cho vay 170.365 triệu đồng, chủ yếu cho vay trực tiếp người lao động.

**4.7. Phát triển khoa học công nghệ:** Trên địa bàn tỉnh đã triển khai 45 nhiệm vụ KH&CN, gồm 12 nhiệm vụ cấp quốc gia, 25 nhiệm vụ cấp tỉnh và 08 nhiệm vụ cấp cơ sở. Việc triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ tập trung bám sát định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, trong đó hướng tới khai thác các thế mạnh của địa phương, đặc biệt vấn đề về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản là sản phẩm chủ lực của tỉnh; vấn đề khai thác, phát triển tiềm năng du lịch... Hỗ trợ kịp thời cho các nhân, đơn vị đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh, tập trung vào các sản phẩm phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được chú trọng triển khai, góp phần ngăn chặn các hiện tượng gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu

<sup>22</sup> Hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số: Tổng số: 12.789 hộ, với tổng kinh phí: 3.836.700.000 đồng; Hỗ trợ quà tết cho đối tượng Bảo trợ xã hội: 1.288 người, kinh phí 515.200.000 đồng.

<sup>23</sup> tại Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh

dùng; hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và công tác quản lý, khai thác phát triển tài sản trí tuệ các sản phẩm được bảo hộ đã được quan tâm<sup>24</sup>.

**4.8. Báo chí, phát thanh và truyền hình:** Các cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình luôn chủ động bám sát các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và định hướng nội dung tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để tổ chức tuyên truyền có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là tuyên truyền các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch; định kỳ tổ chức họp báo cung cấp thông tin các vấn đề dư luận quan tâm.

## **5. Về bảo vệ môi trường, cải cách hành chính, tư pháp và nội chính**

### **5.1. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:**

Tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm tháo gỡ, giải quyết những tồn tại, khó khăn trong công tác bồi dưỡng, giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất, công tác lập, triển khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lập các phương án bảo vệ khoáng sản và tài nguyên nước; công tác bảo vệ môi trường và một số vấn đề vướng mắc của địa phương, doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2022: Đến nay đã tổ chức thẩm định và kiểm tra thực địa 8/8 huyện, thành phố Gia Nghĩa, đang hoàn thiện hồ sơ để phê duyệt.

Tập trung, quyết liệt trong việc chỉ đạo, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án trên địa bàn tỉnh như: Ban hành Quy định cơ chế tài chính thực hiện dự án Tái định cư do nhà đầu tư dự án có sử dụng đất tự nguyện ứng trước kinh phí để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Đăk Nông; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021); Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đăk Nông; Thực hiện việc ứng vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm của tỉnh.

Triển khai kịp thời các nhiệm vụ theo Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường công tác quản lý chất thải, thu gom rác thải tại các hộ gia đình, khu cách ly, điều trị COVID-19. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường từ các bãi rác thải tập trung, các cơ sở chăn nuôi heo tập trung; Nâng cao sự chủ động và tích cực hơn của UBND cấp huyện, thành phố và cấp xã đối với việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các nguồn ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Ban hành Kế hoạch xây dựng lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>24</sup> Trong 10 tháng năm 2022 hướng dẫn 03 tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghệ.



**5.2. Công tác cải cách hành chính:** Cải cách thủ tục hành chính được thúc đẩy mạnh mẽ dù trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp. Việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa các cấp ngày càng được cải thiện theo hướng chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, dân chủ và hiện đại. Tình hình tổ chức, hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa tại UBND các huyện, thành phố cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Thiết lập Hệ thống thông tin đánh giá, phản ánh về TTHC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và tăng cường giám sát hiệu quả triển khai nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước. Đến nay, 100% thủ tục hành chính công bố mới, sửa đổi, bổ sung được chuẩn hóa trên Cổng dịch vụ công quốc gia và công bố, công khai, cung cấp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công tỉnh phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đến thời điểm hiện tại đã tích hợp 437 dịch vụ công mức độ 3,4 của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Dự kiến hoàn thành tích hợp 100% dịch vụ công mức độ 3,4 của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia trong năm 2022.

### **5.3. Tổ chức bộ máy nhà nước và biên chế:**

Cơ cấu tổ chức, bộ máy tại các sở, ngành được kiện toàn, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Các địa phương đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh, huyện. Chế độ công vụ có nhiều đổi mới tích cực. Theo đó, tăng cường phân cấp; cải cách thủ tục hành chính; đổi mới chính sách tuyển dụng; giảm biên chế đạt mục tiêu đề ra.

Đến nay, có 8/8 đơn vị hành chính cấp huyện và 18/18 Sở, Ban, ngành của tỉnh đã hoàn thiện sắp xếp vị trí việc làm theo đúng quy định. Về vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập: Có 82 đơn vị sự nghiệp, hiện nay đã được phê duyệt khung năng lực vị trí theo quy định 82/82 đạt 100% và bố trí viên chức theo đúng quy định.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 giao biên chế năm 2022, với 1.921 biên chế công chức và 158 hợp đồng lao động (năm 2021 là 1.915 biên chế) và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05/05/2022 về việc phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Đắk Nông và chỉ tiêu biên chế trong các Hội có tính chất đặc thù năm 2022 tỉnh Đắk Nông là: 13.045 người (năm 2021 là 13.284 người).

**5.4. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng:** Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thanh tra, kiểm tra được chú trọng.

a) Về thanh tra hành chính: Trong 10 tháng đầu năm, toàn ngành tiếp tục thực hiện 71 cuộc thanh tra<sup>25</sup> tại 224 đơn vị, ban hành 53 kết luận thanh tra. Qua thanh tra phát hiện các đơn vị có sai phạm về kinh tế với số tiền 14.712,24 triệu đồng; sai phạm trong công tác quản lý, sử dụng đất đai với diện tích về đất là 851.639,3 m<sup>2</sup> đất các loại; đã kiến nghị xử lý thu hồi nộp ngân sách Nhà nước số

<sup>25</sup> 29 cuộc từ kỳ trước chuyển sang, gồm 52 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 19 cuộc thanh tra đột xuất

tiền 1.967,79 triệu đồng, về đất 775.181,3 m<sup>2</sup> đất đã cấp chồng lấn trên đất giao cho tổ chức quản lý; kiến nghị khác về kinh tế 12.744,46 triệu đồng, về đất 76.458,0 m<sup>2</sup> đất các loại, kiến nghị xử lý hành chính 44 tổ chức, 116 cá nhân, xử phạt vi phạm hành chính 07 tổ chức, kiến nghị xem xét bổ sung nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách, quy định pháp luật trong công tác quản lý mua sắm vật tư y tế, hóa chất<sup>26</sup>, chuyên thông tin, kiến nghị khởi tố đến cơ quan cảnh sát điều tra 04 vụ việc với 01 đối tượng<sup>27</sup>

b) Về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng: Toàn ngành đang triển khai 18 cuộc thanh tra trách nhiệm<sup>28</sup> tại 20 đơn vị, ban hành 10 kết luận thanh tra. Qua thanh tra đã phát hiện sai phạm với số tiền 95 triệu đồng, đã kiến nghị thu hồi số tiền 95,8 triệu đồng, kiến nghị các cơ quan, đơn vị chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, tồn tại trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

c) Về thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: Thực hiện 102 cuộc thanh tra, kiểm tra<sup>29</sup> đối với 748 tổ chức, 754 cá nhân trên các lĩnh vực<sup>30</sup>, đã ban hành 91 kết luận thanh tra, báo cáo kết quả kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện 103 tổ chức, cá nhân có sai phạm các dạng về kinh tế với số tiền là 895,8 triệu đồng, sai phạm về đất với diện tích 2.131,1 ha, Kiến nghị thu hồi số tiền là 189,1 triệu đồng; diện tích 2.131,1 ha đất lâm nghiệp và 57,94 ha đất nông nghiệp do bị lấn chiếm trái phép; kiến nghị khác số tiền là 692,5 triệu đồng; ban hành 282 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân với số tiền là 1.333,775 triệu đồng, xử lý vi phạm bằng hình thức khác 39 trường hợp. Kiến nghị xử lý hành chính 21 tổ chức, 40 cá nhân; Chuyển thông tin cơ quan Cảnh sát điều tra 01 vụ việc<sup>31</sup>. Đã thu hồi sai phạm số tiền 208,6 triệu đồng, thu xử phạt hành chính là 1.175,4 triệu đồng, xử lý khác là 646,1 triệu đồng.

<sup>26</sup> Kết luận số 84/KL-TTr ngày 12/5/2022 kết luận thanh tra việc mua sắm TTBYT, VTYT, vắc xin, thuốc phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

<sup>27</sup> (1) Việc khảo sát địa chất để lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, sử dụng kết quả khảo sát để lập thiết kế bản vẽ thi công, công trình thủy lợi Suối Đá xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong; (2) Việc mua sắm 04 gói thầu sinh phẩm xét nghiệm của Công ty cổ phần Công nghệ Việt Á; (3) Việc cấp CNQSDĐ hình thức công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất tại 65 thửa đất/773.876,0 m<sup>2</sup> nằm trong diện tích quy hoạch 3 loại rừng Nhà nước đã giao cho tổ chức là Viện Khoa học lâm nghiệp Nam Trung bộ và Tây Nguyên và Ban quản lý Vườn Quốc gia Tà Đùng quản lý; (4) Việc ông Phạm Đăng Quang nguyên PCT UBND huyện Đắk Glong ký cấp CNQSDĐ tại thửa đất số 39, 40, tờ bản đồ số 18, cho 02 hộ dân trên diện tích quy hoạch 3 loại rừng Nhà nước đã giao cho tổ chức là Viện Khoa học lâm nghiệp Nam Trung bộ và Tây Nguyên quản lý sau đó thực hiện thủ tục chuyển nhượng để hợp thức hóa 02 thửa đất sang tên bà Phan Thị Liễu vợ ông Phạm Đăng Quang và sử dụng 02 thửa đất để xây dựng cửa hàng xăng dầu Quang Phước..

<sup>28</sup> 01 cuộc thanh tra từ kỳ trước chuyển sang

<sup>29</sup> 09 cuộc thanh tra, kiểm tra từ kỳ trước chuyển sang

<sup>30</sup> Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; an toàn vệ sinh thực phẩm; kinh doanh y dược; công tác khám chữa bệnh; phòng chống thiên tai; chính sách giảm nghèo; chất lượng xây dựng công trình; chấp hành pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện; hoạt động kinh doanh văn hóa; vận chuyển hành khách; quản lý, sử dụng đất đai; công tác quản lý bảo vệ rừng; vệ sinh môi trường, tài nguyên nước; công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vệ sinh, an toàn lao động; cách ly phòng chống Covid-19; hành nghề y dược; đầu giá tài sản; tư pháp hộ tịch hoạt động công chứng, hành nghề Luật sư, sử dụng tần số và thiết bị thu - phát sóng vô tuyến điện, an toàn đập thủy điện, hồ chứa thủy điện ...

<sup>31</sup> Viện Khoa học lâm nghiệp Nam Trung bộ và Tây Nguyên thiếu trách nhiệm, buông lỏng công tác quản lý, bảo vệ rừng để mất rừng với diện tích 2.052,7 ha.

### 5.5. Công tác tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo:

Các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp 1.952 lượt với 2.819 công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh<sup>32</sup>; đã tiếp nhận và xử lý xong 3.511 đơn<sup>33</sup>. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đang tiếp tục thụ lý giải quyết 45 vụ việc khiếu nại (34 vụ việc phát sinh trong kỳ, 11 vụ việc kỳ trước chuyển sang), 13 vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền (09 vụ việc phát sinh trong kỳ, 04 vụ từ kỳ trước chuyển sang); đã giải quyết xong 23 vụ khiếu nại, 07 vụ tố cáo.

Về tình hình, kết quả rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo, kiến nghị tồn đọng, phức tạp, đông người trên địa bàn tỉnh: Đến thời điểm hiện tại, trong tổng số 18 vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị đông người, phức tạp, đã có 13 vụ việc được xem xét, giải quyết xong; còn 05/18 vụ việc<sup>34</sup> đang tiếp tục được xem xét, giải quyết.

**5.6. Công tác tư pháp:** Công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn. Công tác xây dựng văn bản QPPL, cho ý kiến đối với các vấn đề pháp lý phức tạp ở địa phương tiếp tục được chú trọng; công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp ở địa phương với các cơ quan, đơn vị có liên quan được thực hiện chủ động và hiệu quả hơn; tham gia có trách nhiệm đối với các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương. Công tác hành chính tư pháp phục vụ hiệu quả cho nhu cầu của người dân; quản lý Nhà nước đối với các tổ chức hỗ trợ tư pháp được thực hiện chặt chẽ thông qua việc thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ.

### 5.7. Công tác dân tộc và tôn giáo:

Đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trong vùng dân tộc thiểu số được đảm bảo. Bên cạnh triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương, trong thời gian qua tỉnh Đắk Nông cũng đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều chương trình, chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh như: chương trình hành động công tác dân tộc thiểu số; công tác cán bộ dân tộc thiểu số; chính sách đầu tư phát triển bền vững bon, buôn có đồng đồng bào dân tộc thiểu số; đề án về nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số; đề án bảo tồn và phát huy lễ hội - hoa văn - công chiêng và nhạc cụ dân gian của dân tộc M'Nông; chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn sản xuất kinh doanh;... Vì vậy, đời sống, kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được cải thiện và nâng cao, trong phát triển kinh tế, đồng bào dân tộc thiểu số bước đầu đã có bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất, trong đồng bào dân tộc thiểu số xuất hiện nhiều

<sup>32</sup> Tiếp thường xuyên là 1.555 lượt với 2.071 người; tiếp định kỳ và đột xuất của thủ trưởng các cấp là 397 lượt với 748 người.

<sup>33</sup> Khiếu nại 247 đơn; tố cáo 137 đơn; kiến nghị, phản ánh 3.127 đơn.

<sup>34</sup> Vụ việc tại Dự án thủy điện Đồng Nai 3; Vụ việc tại Dự án Nhà máy Alumin Nhân Cơ; Vụ việc tại Công ty TNHH MTV Cà phê Đắk Nông; Vụ việc tại Công ty TNHH ĐTTM Long Sơn; Vụ việc kiến nghị của nhóm các hộ liên kết trồng cà phê với Công ty TNHH MTV Tuy Đức.

mô hình sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nhờ biết áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật.

Trong năm, thực hiện giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể: năm 2022: 287.108 triệu đồng. Giai đoạn 2021-2025 là: 1.136.614 triệu đồng. Trên cơ sở kế hoạch và danh mục dự án các đơn vị đang tích cực tổ chức triển khai thực hiện trình tự thủ tục theo quy định để giải ngân nguồn vốn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Trong 10 tháng năm 2022, tình hình hoạt động của tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động từ thiện, nhân đạo... đóng góp tích cực vào sự ổn định tình hình chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

## **6. Về đảm bảo an ninh, quốc phòng và công tác đối ngoại**

### **6.1. Về đảm bảo quốc phòng, biên giới, nâng cao năng lực quốc phòng:**

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững ổn định. Trên tuyến biên giới, các lực lượng chức năng luôn tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn các hoạt động phi pháp, vượt biên, xâm nhập và làm tốt công tác phòng chống dịch khu vực biên giới. Duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu và tổ chức huấn luyện cho các đối tượng theo quy định. Các lực lượng tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện tốt Kế hoạch mở đợt cao điểm đấu tranh phòng, chống tội phạm, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trên tuyến biên giới.

Ban hành Chỉ thị, Kế hoạch và các văn bản về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm 2022; hoàn thành quy hoạch nhu cầu sử dụng đất quốc phòng và lập hợp phần bố trí tổng thể quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội tích hợp vào quy hoạch tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Ngày 10/10, Ban chỉ đạo diễn tập Quân khu 5 đã tổ chức khai mạc diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Đắk Nông năm 2022 (ĐN-22); kết quả đạt loại tốt. Qua diễn tập, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh phương án tác chiến phòng thủ của tỉnh, xây dựng hệ thống kế hoạch bảo đảm của các sở, ban, ngành phù hợp với đặc điểm tình hình và nhiệm vụ của địa phương...

### **6.2. Về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông:**

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các kế hoạch đấu tranh phòng, chống tội phạm, qua đó tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh luôn được đảm bảo Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, lực lượng Công an Đắk Nông đã tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng hiệu quả các mặt công tác nghiệp vụ, coi

trọng công tác nghiệp vụ cơ bản, công tác quản lý hành chính, nắm người, nắm hộ để làm tốt công tác phòng ngừa gắn với đẩy mạnh đấu tranh, mở các đợt cao điểm tấn công, truy quét các loại tội phạm; tập trung rà soát các tuyến, địa bàn trọng điểm, kịp thời xác lập, đấu tranh với các ổ nhóm, đường dây tội phạm có tổ chức. Xảy ra 268 vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm so với cùng kỳ năm 2021<sup>35</sup>; Phát hiện, bắt 161 vụ 328 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức trái phép chất ma túy<sup>36</sup>.

Triển khai thực hiện đợt cao điểm kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, vì vậy tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tiếp tục có những chuyển biến tích cực, rõ nét, tai nạn giao thông (TNGT) được kiểm chế và giảm cả 3 tiêu chí, ý thức của người tham gia giao thông được nâng cao.

### **6.3. Về công tác đối ngoại:**

Công tác đối ngoại, ngoại giao nhân dân với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia tiếp tục được củng cố và tăng cường; các cấp, các ngành thường xuyên chủ động trao đổi thông tin, nắm tình hình ngoại biên, biên giới, hỗ trợ các trang thiết bị, vật tư y tế, lương thực thực phẩm cho các cơ quan, địa phương của tỉnh bạn, nhất là phối hợp chặt chẽ trong công tác phòng chống dịch.

Phối hợp triển khai kế hoạch Chương trình gặp gỡ hữu nghị và hợp tác nhân dân Việt Nam – Campuchia lần thứ V. Các lực lượng thường xuyên phối hợp với các lực lượng chức năng của tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia trong công tác ngăn chặn xuất nhập cảnh trái phép, phòng chống dịch Covid-19.

## **IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ, TỈNH ỦY, HĐND TỈNH VỀ NHIỆM VỤ NĂM 2022 VÀ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xác định năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, là năm bản lề thực hiện các mục tiêu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, phát huy tinh thần đoàn kết, "khát vọng Đăk Nong" phát triển, ý chí vươn lên, cùng cả hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh vượt qua khó khăn, thách thức, yêu cầu các sở ban ngành bám sát chủ trương, đường lối của Đại hội XIII của Đảng; quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ theo các quan điểm, định hướng và mục tiêu, giải pháp đề ra.

### **1. Về triển khai các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và các cơ quan Trung ương:**

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về các

<sup>35</sup> làm chết 08 người, bị thương 70 người, thiệt hại tài sản ước tính 17,950 tỷ đồng.

<sup>36</sup> Thu giữ trên 7,569kg hêrôin; 1,316 kg ma túy tổng hợp; 3,520 kg cần sa khô.

nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, đồng thời gắn với phục hồi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

Ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 27/01/2022 triển khai các nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 về nhiệm vụ, về nhiệm vụ năm 2022 và Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội năm 2022.

Ban hành Kế hoạch hành động số 53/KH-UBND ngày 26/01/2022 về triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2021 của Chính phủ về về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 121/NQ-CP của Chính phủ đối với tổ công tác hợp kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công tại Công văn số 5948/UBND-KT ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh.

Ban hành Chương trình hành động số 1765/CTr-UBND về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội các năm 2022, 2023 trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện Kết luận số 24-KL-TW ngày 20/12/2021 của Bộ chính trị về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình.

Ngoài ra, để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/12/2021 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ năm 2022 và Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025. UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Chương trình Công tác trọng tâm của UBND tỉnh Đắk Nông năm 2022 (Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2022, với 83 nhiệm vụ trọng tâm); Quyết định số 2235/QĐ-UBND của UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

Triển khai thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 06/5/2022 triển khai hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

## **2. Việc tổ chức thực hiện chủ trương, Nghị quyết của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh:**

Trong thời gian qua, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND đã xây dựng và ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận để lãnh đạo, chỉ đạo; đồng thời chú trọng việc sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; góp

phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương. Đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện, đảm bảo phù hợp với thực tiễn của từng địa phương, đơn vị nhằm đưa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đi vào cuộc sống. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh được các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện thường xuyên, kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, công tác tham mưu xây dựng và ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận có lúc, có việc chưa kịp thời; quy trình ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận có lúc chưa được thực hiện đầy đủ; công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng ở một số đơn vị, địa phương chất lượng chưa cao; sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc báo cáo tình hình, đề xuất bổ sung, điều chỉnh các nội dung, giải pháp thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận chưa đồng bộ,...

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

Các cấp, các ngành đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chương trình, kế hoạch, nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ, của Tỉnh ủy về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục được duy trì và ổn định; kết quả một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội tăng so với cùng kỳ như: thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh được đảm bảo ổn định; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn vượt kế hoạch đề ra. Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện khá thuận lợi đảm bảo kế hoạch đề ra; dịch bệnh cơ bản được kiểm soát; giá cả các mặt hàng chủ lực tăng cao thuận lợi cho người nông dân mạnh dạn đầu tư cho sản xuất. Công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân được đảm bảo, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh một số kết quả đạt được nêu trên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng còn thấp so với kế hoạch, cụ thể như sau:

- Giá nhiên liệu (xăng, dầu) tăng trở lại và dự báo sẽ tăng mạnh trong những tháng cuối năm, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp cũng như hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

- Tốc độ thu ngân sách tuy có tăng nhưng chưa thật sự bền vững, chủ yếu xuất phát từ thuế phát sinh đột biến của một số doanh nghiệp. Công tác phối hợp ở các ngành, các cấp chính quyền chưa thực sự chặt chẽ, đồng bộ, chưa tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tốt các khoản thu ngân sách nhà nước, nhất là các khoản thu từ đất đai, tài nguyên khoáng sản.

- Mặc dù các cơ quan chức năng đã tích cực, kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án đầu tư lớn trên địa bàn tỉnh nhưng tiến độ thực hiện một số dự án vẫn còn chậm so với tiến độ

đã được phê duyệt, đặc biệt là các dự án điện gió, điện mặt trời; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư và hoàn thiện hồ sơ pháp lý, xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan vẫn chưa đạt hiệu quả.

- Kết quả thực hiện công tác thu hút đầu tư ngoài ngân sách còn hạn chế, nguyên nhân do công tác phối hợp giải quyết các vướng mắc của dự án để đảm bảo điều kiện chấp thuận chủ trương đầu tư còn chậm.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**

Dự báo tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều yếu tố rủi ro bất định. Cạnh tranh chiến lược nước lớn gia tăng; chạy đua vũ trang, tái bố trí lực lượng và tăng cường các liên minh quân sự có nguy cơ tiếp tục được thúc đẩy. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tiếp tục là động lực tăng trưởng toàn cầu, song tiềm ẩn nhiều rủi ro do các nhân tố địa chính trị. Kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng chậm lại; nguy cơ suy thoái kinh tế và các rủi ro về tài chính, tiền tệ, nợ công, an ninh năng lượng, lương thực, thông tin gia tăng; đà suy giảm kinh tế ngày càng rõ ràng, gia tăng khả năng suy thoái trong ngắn hạn tại Mỹ, EU, Trung Quốc và nhiều nước phát triển; Xu thế dịch chuyển dòng vốn FDI đã và đang diễn ra và ngày càng thể hiện rõ nét hơn từ khi có đại dịch COVID-19. Xu hướng đầu tư của thế giới đang tập trung vào các vùng có lợi thế về nguồn nguyên liệu. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ tạo ra cả thời cơ và thách thức. Dự báo năm 2023, tình hình dịch Covid-19 đã được khống chế, các lĩnh vực kinh tế - xã hội tiếp tục được phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, đặc biệt là ngành công nghiệp, thương mại, du lịch và đầu tư đang trên đà phục hồi và phát triển sẽ đẩy tốc độ tăng trưởng lên đáng kể.

Trong nước, có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn do Sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; giá nhiều yếu tố đầu vào, chi phí sản xuất kinh doanh tiếp tục xu hướng tăng; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống có thể bị thu hẹp; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài và mới phát sinh cần phải tập trung giải quyết.... Bên cạnh đó, cũng có những thuận lợi như nền kinh tế tiếp tục phục hồi, các hoạt động kinh tế, xã hội chuyển từ trạng thái thích ứng, phục hồi sang phát triển nhanh và ổn định hơn, tập trung thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, hướng đến các mục tiêu phát triển của Kế hoạch 5 năm. Trong tình, tiếp tục chịu ảnh hưởng của tình trạng biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, sẽ tác động lớn đến nền kinh tế nội tỉnh (khu vực nông nghiệp, công nghiệp khai khoáng, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn), biến động về giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao đặt ra cho các cấp, các ngành nhiều nhiệm vụ nặng nề và thách thức to lớn, đòi hỏi phải tập trung cao độ, quyết tâm phấn đấu để đạt được cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, đồng thời triển khai một cách nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề ra.



## I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2023

### 1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tạo động lực thúc đẩy phát triển cho những năm tiếp theo của giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành lĩnh vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và chăm lo đời sống, sức khỏe nhân dân. Quyết liệt và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp phục vụ cho nhu cầu sản xuất nội tỉnh. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

### 2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2023

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; các quan điểm, định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Đắk Nông xây dựng các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2023, gồm 11 nhóm chỉ tiêu chủ yếu, cụ thể như sau:

(1) Tăng trưởng GRDP đạt 7,5%. GRDP bình quân đầu người đạt 68 triệu đồng.

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 21.208 tỷ đồng.

(3) Thu ngân sách nhà nước là 3.650 tỷ đồng.

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 70%; tỷ lệ đô thị hóa 31%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99,2%; tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới đạt 83%.

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18.200 lượt người; đào tạo nghề cho 4.000 người; 15% người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025: Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3% trở lên, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

(7) Y tế: Đạt 20,2 giường bệnh/vạn dân; đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% hội.

(8) Giáo dục: Tăng thêm 11 trường đạt chuẩn quốc gia.

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 61%.

(10) Môi trường: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; trồng mới rừng tập trung trong năm 2.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng trên 39%.

(11) Nông thôn mới: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 16,8 tiêu chí trở lên; Tăng thêm 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

*(Chi tiết như Phụ lục III, IV kèm theo)*

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ YẾU**

**1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025; kịp thời triển khai các chính sách của Trung ương đảm bảo phù hợp với tình hình của địa phương.**

Bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương để áp dụng linh hoạt các chính sách, định hướng của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện có, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về các cơ chế chính sách của nhà nước; phát huy các lợi thế sẵn có của địa phương cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống Nhân dân.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng các nhiệm vụ mà UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; có chế tài xử lý đối với việc không thực hiện tốt nhiệm vụ đúng hạn định.

Bám sát quan điểm, định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy và yêu cầu thực tiễn để tập trung triển khai hiệu quả các chính sách, nhiệm vụ, giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; kiên trì giữ vững ổn định kinh tế, nâng cao năng xuất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công hàng năm và Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 của tỉnh.

Xây dựng kế hoạch tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

**2. Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:** Căn cứ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề ra định hướng, mục tiêu chiến lược, xác định các động lực, nguồn lực phát triển của địa phương để bảo đảm cho sự phát triển đồng bộ, thống nhất, khai thác nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm cho phát triển bền vững. Cập nhật những định hướng mới của Trung ương, xu hướng mới của phát triển kinh tế, trong điều kiện hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế để định hướng mô hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phù hợp với giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và quản lý chặt chẽ, theo hướng phát huy lợi thế về diện mạo, địa hình, thổ nhưỡng đặc trưng của tỉnh miền núi và thích ứng với biến đổi khí hậu.

**3. Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Giữ vững thành quả phong chống dịch. Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh COVID-19; không chủ quan lơ là trong bối cảnh lây lan các biến chủng mới. Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc - xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh. Đánh giá miễn dịch cộng đồng để chủ động có giải pháp phòng ngừa lây nhiễm, nhất là đối với các biến chủng mới. Giải quyết hiệu quả vướng mắc trong đấu thầu thuốc, vật tư y tế, phân đấu giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế.

Xây dựng, đề xuất các chính sách, giải pháp và nguồn lực cụ thể nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trọng điểm, có tác động hiệu quả ngay đến doanh nghiệp, nền kinh tế, phát huy cao nhất hiệu quả các chính sách hỗ trợ của trung ương và địa phương, có tính khả thi cao và phù hợp với mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên trong giai đoạn 2021-2025.

Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. Đẩy mạnh triển khai các nội dung sau trong các tháng còn lại của năm 2022 và năm 2023. Nhanh chóng quán triệt đến các cấp, các ngành về việc triển khai các chính sách đã được ban hành của Chương trình, bảo đảm rõ về trình tự, thủ tục, đối tượng hỗ trợ; đẩy nhanh việc giải ngân các chính sách, đặc biệt là các chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách hỗ trợ 2% lãi suất đối với các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tránh trục lợi chính sách. Đối với danh mục nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục đầu tư để sớm thực hiện ngay sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn.

**4. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển các thị trường lao động, vốn, bất động sản; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số**

#### **4.1. Công nghiệp:**

Tiếp tục phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và ưu tiên các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh của tỉnh. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, nhất là công nghiệp luyện nhôm, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh. Thực hiện tốt quy hoạch và tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư dự án, đặc biệt là kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm, có đóng góp lớn đối với tăng trưởng và có sự lan tỏa đối với sự phát triển của tỉnh. Triển khai có hiệu quả các giải pháp thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; có cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả, tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi sản xuất và kinh doanh. Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất.

Tăng cường áp dụng hệ thống tổ chức sản xuất tiên tiến và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất công nghiệp, gắn sản xuất công nghiệp với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất công nghiệp. Tiếp tục hỗ trợ tích cực các nhà đầu tư vào nghiên cứu, đầu tư các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh; tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và vốn đầu tư của ngành điện để đầu tư phát triển lưới điện, trạm biến áp để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng của địa phương.

Rà soát, đánh giá, đề xuất bổ sung kịp thời các dự án điện gió, điện mặt trời vào Quy hoạch điện VIII nhằm đảm bảo nguồn điện cung cấp cho phát triển ngành công nghiệp bô xít - alumin - nhôm theo chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Chính phủ.

#### **4.2. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:**

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất; nâng cao năng suất, chất lượng hàng nông sản, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Tập trung chuyển đổi cây trồng không thích nghi, tăng cường áp dụng cơ giới hóa, khoa học công nghệ, nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm tiềm năng và các sản phẩm chủ lực địa phương, tạo vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến và xuất khẩu. Tập trung triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm an ninh lương thực; sử dụng linh hoạt đất lúa, hướng dẫn chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có thị trường và thu nhập cao hơn; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân.

Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống. Nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm;

tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình VietGAP. Tăng cường thực hiện công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, an toàn dịch bệnh, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng... Xây dựng và thực hiện đề án phát triển vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh; Triển khai hiệu quả dự án lai thử nghiệm giống bò BBB trên địa bàn toàn tỉnh...

Đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh và giá trị kinh tế cao. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường. Bảo vệ tuyệt đối diện tích rừng hiện có và triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

### **4.3. Thương mại, dịch vụ và du lịch:**

Theo dõi diễn biến tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, để kịp thời điều tiết cung - cầu và bình ổn thị trường; Thường xuyên cập nhật cung cấp thông tin về tình hình thị trường thương mại trong nước, xuất - nhập khẩu để các doanh nghiệp nắm tình hình, có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp. Kịp thời hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, đổi mới, cải tiến công nghệ, trang thiết bị để cải tiến mẫu mã, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, từ đó tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước.

Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm các thị trường; thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, tăng tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu có giá trị gia tăng cao sản xuất tại địa phương. Tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khỏe nhân dân; tăng cường công tác quản lý thị trường, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà sản xuất và người tiêu dùng. Tập trung hỗ trợ, quảng bá các dự án khu du lịch nhằm khai thác có hiệu quả, bền vững các tiềm năng, thế mạnh du lịch của tỉnh. Khuyến khích đầu tư, phát triển mạnh các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao...; nhất là dịch vụ chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực và y tế, chăm sóc sức khỏe.

Khai thác và phục vụ tốt thị trường trong tỉnh, kết hợp với đẩy mạnh giao lưu hàng hóa để mở rộng thị trường, đặc biệt là các tỉnh thuộc khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, với các trung tâm đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến hỗ trợ thương mại, tiếp tục quảng bá và thực hiện chính sách đưa hàng về nông thôn, thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Xây dựng đề án hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường và xúc tiến thương mại.

Phát triển thương mại điện tử trở thành hình thức thương mại chủ đạo, hoàn thiện hạ tầng pháp lý để khai thác có hiệu quả hơn xu hướng số hóa với sự phát triển của phương thức thanh toán điện tử và các công cụ thanh toán mới,

không dùng tiền mặt. Thúc đẩy thương mại điện tử là một trong những biện pháp giảm chi phí, giá thành hàng hóa.

Đa dạng sản phẩm du lịch đáp ứng xu hướng mới của thị trường. Phát triển du lịch theo hướng sinh thái kết hợp văn hoá để khai thác tối đa các tiềm năng, nội lực của tỉnh, với lợi thế về khí hậu, cảnh quan; khai thác tối đa lợi thế thị trường khách thích tìm hiểu, khám phá về Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông. Tăng cường các hoạt động truyền thông, quảng bá xúc tiến du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch.

#### **4.4. Đầu tư và phát triển:**

Thực hiện nghiêm quy định về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án từ nguồn hỗ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các công trình trọng điểm của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư, tích hợp các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quản lý đầu tư nhằm đảm bảo công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát đối với đầu tư công.

Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển nền kinh tế. Tiếp tục tăng cường các biện pháp vận động tài trợ và thúc đẩy giải ngân vốn ODA, NGO. Đẩy mạnh thu hút và nâng cao chất lượng các dự án đầu tư FDI. Huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển thông qua việc áp dụng đa dạng các hình thức đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển kinh tế ở tất cả các ngành, lĩnh vực, ở tất cả các khâu trong quá trình đầu tư.

Huy động nguồn lực toàn xã hội tham gia đầu tư, phân đấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt tỷ trọng trên 35%-40%/GRDP, phù hợp với nhu cầu vốn của tỉnh. Lựa chọn dự án đầu tư công dự trên hiệu quả kinh tế - xã hội và thụ hưởng của số đông người dân. Tăng cường điều tiết đầu tư công từ ngân sách địa phương.

Vận động nguồn vốn ODA để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, giảm nghèo bền vững. Chủ động tiếp cận trực tiếp đến các nhà tài trợ thông qua sự hỗ trợ, kết nối của các bộ, ngành Trung ương. Vận động nguồn vốn ODA theo hướng gắn liền với tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, phát triển hành lang kinh tế Đông Tây, phát triển cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn liền với bảo vệ rừng, phòng chống biến đổi khí hậu. Đối với khu vực kinh tế nước ngoài (FDI): Chủ động định hướng kêu gọi đầu tư vào các dự án công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, các dự án có vốn lớn, động lực lan tỏa, kéo theo phát triển nhiều ngành, lĩnh vực. Hạn chế các dự án nông, lâm nghiệp, các dự án có hàm lượng công nghệ thấp, công nghệ lạc hậu ảnh hưởng môi trường, diện tích đất đai lớn, khu vực trọng điểm về an ninh quốc phòng.

#### **4.5. Thu hút và xúc tiến đầu tư:**

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, có biện pháp kiểm soát tài chính đối với các nhà đầu tư đăng ký đầu tư vào tỉnh. Sử dụng nguồn ngân sách để giải phóng mặt bằng các vị trí có khả năng thu hút và thuận lợi cho đầu tư để tạo quỹ đất lớn thu hút đầu tư. Cải cách thủ tục hành chính đầu tư, giải quyết dứt điểm các tồn tại vướng mắc và đẩy nhanh thời gian tối đa về quy trình đầu tư như: giao đất, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng cho dự án.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá tiềm năng, hình ảnh của Đắk Nông đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong đó chú trọng đến tiềm năng về phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến bauxite, sản xuất alumin, điện phân nhôm, sau nhôm, năng lượng tái tạo và phát triển thương mại-dịch vụ. Tận dụng lợi thế để hình thành liên kết vùng và liên kết khu vực trong phát triển kinh tế - xã hội.

#### **4.6. Tài chính, thu chi ngân sách:**

Phân đầu hoàn thành dự toán thu năm 2023 ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi. Tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất để bố trí đầu tư hoàn thiện các dự án đang thiếu nguồn vốn. Kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước, sự nghiệp công, cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi công tác nước ngoài, chi cho lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác, nhằm tạo nguồn tiết kiệm chi để tăng cho đầu tư phát triển.

Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Tích cực khai thác các nguồn thu của địa phương, nhất là nguồn thu từ việc khai thác quỹ đất để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

#### **4.7. Phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh:**

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả, hình thức hoạt động, gắn hoạt động với hiệu quả thực chất đối với các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, các công ty nông lâm nghiệp, phát huy hiệu quả nguồn vốn, nguồn lực về đất đai, rừng, tài nguyên và tài sản nhà nước đã đầu tư.

Tiếp tục tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tham gia mạnh mẽ vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, tham gia rộng rãi vào quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, hưởng các ưu đãi theo quy định của Trung ương và địa phương.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã đề ra tại các Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng

cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo chuyển biến rõ nét; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực thuế, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công. Cải cách thủ tục hành chính đầu tư, giải quyết dứt điểm các tồn tại vướng mắc và đẩy nhanh thời gian thực hiện quy trình đầu tư.

## **5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại**

Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ và toàn diện, bước đầu ưu tiên hạ tầng giao thông để làm động lực, đi trước, tạo thúc đẩy phát triển toàn diện kinh tế xã hội; ưu tiên hạ tầng thủy lợi để phục vụ nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Ưu tiên thu hút đầu tư hạ tầng đô thị, du lịch và dịch vụ, hạ tầng khu công nghiệp. Đầu tư mở rộng, nâng cấp, sửa chữa các tuyến tỉnh lộ và một số tuyến giao thông quan trọng.

Huy động mọi nguồn lực để đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đảm bảo kết nối liên hoàn với hệ thống giao thông đối ngoại, liên kết giữa các khu vực với nhau, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong đó, ưu tiên dành vốn ngân sách Nhà nước đầu tư vào các công trình giao thông thiết yếu, quan trọng để thúc đẩy cho sự phát triển.

Tập trung vốn triển khai thực hiện hiệu quả những dự án có ý nghĩa quan trọng, tác động lớn, lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023 để chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh (01/01/2004 - 01/01/2024) đã được Thường trực Tỉnh ủy thông qua tại Thông báo số 453-TB/TU ngày 02/8/2021. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình trọng điểm của tỉnh như: Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh; Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2); nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 2, 3, 5; Trường Cao đẳng Cộng đồng (Giai đoạn 2); Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa; Các dự án đầu tư từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tập trung phối hợp với các bộ, ngành trung ương và UBND tỉnh Bình Phước để thúc đẩy, sớm triển khai thực hiện dự án Đường cao tốc đoạn Đắc Nông - Bình Phước và cải tạo nâng cấp các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh theo quy hoạch được phê duyệt. Thúc đẩy, hỗ trợ nhà đầu tư sớm đưa Nhà máy luyện nhôm vào hoạt động; tăng cường chỉ đạo triển khai dự án Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2 để thu hút các dự án đầu tư dịch vụ phụ trợ phục vụ cho ngành công nghiệp nhôm, sản xuất các sản phẩm sau nhôm.

## **6. Về phát triển văn hóa, xã hội**

### **6.1. Giáo dục và đào tạo:**

Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Thực hiện các biện pháp



nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo; triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Tiếp tục triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tổ chức kiểm tra, đánh giá và phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương và tài liệu hướng dẫn dạy học; tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 như chuẩn bị đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023, đảm bảo ổn định, phù hợp với tình hình dịch bệnh, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT và đổi mới giáo dục đại học.

Chú trọng công tác thu hút đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư giáo dục, liên kết, đầu tư giáo dục vào tỉnh. Xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở các cấp học theo hướng hiện đại.

### **6.2. Văn hóa, thể dục thể thao:**

Tập trung xây dựng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc, con người Việt Nam, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn, các sự kiện trọng đại, các lễ hội văn hóa như: Hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, Kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng (03/02/1930-03/02/2023), Kỷ niệm 55 năm Chiến dịch Mậu Thân 1968, Giỗ tổ Hùng Vương, Kỷ niệm 48 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Kỷ niệm 78 năm ngày Quốc khánh,...Tạo mọi điều kiện để các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, công nhân lao động, toàn dân đón Tết Nguyên đán 2023 an toàn, đầm ấm, lành mạnh, tiết kiệm.

Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thành tích các môn thể thao trọng điểm. Chuẩn bị tốt lực lượng để tham gia các giải thi đấu quốc gia. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị tập luyện thể dục thể thao tại các khu, điểm công cộng để thu hút nhân dân tham gia tập luyện, xã hội hoá trong lĩnh vực thể dục thể thao.

**6.3. Về y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân:** Đổi mới toàn diện công tác quản lý nhà nước về y tế. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, mở rộng quy mô giường bệnh. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập; phối hợp đầu tư theo hình thức đối tác công – tư. Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp duy trì mức sinh hợp lý, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

### **6.4. Về giảm nghèo, an sinh xã hội:**

Tăng cường hiệu quả công tác truyền thông để huy động tối đa nguồn lực cho giảm nghèo, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo của người

nghèo. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp về nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo về quy trình, công cụ, phần mềm rà soát hộ nghèo, hộ cận. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công”; tăng cường vận động, hỗ trợ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả công tác cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Nâng cao tỷ lệ bao phủ, hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Đẩy mạnh công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em, phát triển thanh niên; chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc. Tập trung triển khai hiệu quả Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

### **6.5. Lao động, việc làm:**

Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; tăng tần suất và nâng cao chất lượng hoạt động của các phiên giao dịch việc làm. Thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người dân. Thông tin rộng rãi về thị trường lao động xuất khẩu. Kiểm tra giám sát các doanh nghiệp thực hiện các chính sách lao động và bảo hiểm. Triển khai kịp thời các gói hỗ trợ của trung ương cho người lao động theo quy định.

Theo dõi, nắm chắc tình hình sử dụng lao động, việc làm, chính sách tiền lương, bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động; duy trì công tác đối thoại, tiếp xúc với người lao động, đại diện công đoàn và người sử dụng lao động.

**6.6. Phát triển khoa học và công nghệ, chuyển đổi số:** Chủ động rà soát, nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển phương thức từ quản lý tập trung quản lý “đầu vào” sang chủ yếu là quản lý “đầu ra” trong các khu vực kinh tế, hạ tầng, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; khuyến khích và bảo vệ cán bộ, công chức, viên chức dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo các cấp có phẩm chất, năng lực tốt, chuyên nghiệp.

**6.7. Công tác thông tin tuyên truyền:** Tập trung thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, tinh thần nguyên tắc chủ động, tích cực, hiệu quả, dễ nhớ để dân biết, dân hiểu, dân tin, dân theo và dân làm. Chủ động thông tin chính xác, kịp thời, toàn diện, khách quan, đúng đối tượng về các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế xã hội của đất nước, của địa phương, công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước, các vấn đề xã hội, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực... Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ gương người tốt, việc tốt. Nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm tra hoạt động báo chí, hoạt động của các nền tảng mạng xã hội, ứng dụng công nghệ để có giải pháp xử lý kịp thời. Tập trung đấu tranh, phản bác, chỉnh lý thông tin sai lệch, thông tin sai sự thật, xuyên tạc...; xử lý nghiêm các vi phạm.

**7. Xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật:** Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển. Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng văn bản pháp luật hoặc tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo văn bản pháp luật, phải bám sát yêu cầu phát triển và đổi mới của ngành, lĩnh vực quản lý; tránh tình trạng không có ý kiến hoặc cho ý kiến chung chung, không cụ thể, rõ ràng dẫn đến khi văn bản ban hành không khả thi hoặc phát sinh vướng mắc mới.

**8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, công tác quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Tập trung kiểm soát và khắc phục ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô, thực hiện tốt công tác trồng rừng thay thế, đặc biệt là các dự án thủy điện; rà soát các dự án thủy lợi để đảm bảo an toàn trong mùa mưa, đồng thời đảm bảo nước tưới vào mùa khô. Ngăn chặn quyết liệt, hiệu quả tình trạng chặt phá rừng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức về gìn giữ và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường.

**9. Về xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực; công tác cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí**

Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, trong đó tập trung rà soát những bất cập để bãi bỏ hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền bãi bỏ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích trong việc tiếp nhận và trả kết quả; tiếp tục đẩy mạnh công tác đổi mới, sắp xếp bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

Tiếp tục hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy chuyển đổi số, thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND tỉnh, ưu tiên triển khai hiệu quả Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng và đưa vào vận hành các CSDL quốc gia và chuyên ngành đã được phê duyệt; đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, tiêu cực cao. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân định kỳ theo quy định, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài, không để trở thành “điểm nóng”, gây mất an ninh trật tự. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thắt chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức; tăng cường thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, xử lý sai phạm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, bảo đảm chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch tạo động lực thúc đẩy phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **10. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh**

Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh cả về tiềm lực và thế trận, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu về động viên, xây dựng lực lượng, tuyển quân do trung ương giao. Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; không để bị động, bất ngờ.

Tăng cường các giải pháp kiềm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội; tập trung trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm đánh bạc, các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy, tội phạm

sử dụng công nghệ cao... Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế với thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Phước và các tỉnh trong khu vực, các tổng công ty lớn của trung ương. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ kinh tế với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông năm 2023 (đính kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023).

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Mười**

## Phụ lục I

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 698/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	NĂM 2022			GHI CHÚ
				Kế hoạch	Ước thực hiện 10 tháng 2022	Ước thực hiện	
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>						
1	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (Giá SS2010)</b>	Tỷ đồng	20.727	22.281,24	13.424,19	22.334,73	Vượt KH
	<i>Trong đó:</i>						
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	7.918,0	8.280,81	3.261,03	8.484,15	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	4.095,5	4.603,12	3.306,30	4.495,48	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	7.777,6	8.397,81	6.244,22	8.404,02	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	935,6	999,50	612,64	951,08	
	<b>Tốc độ tăng trưởng</b>	%	108,63	107,50	108,70	107,76	
	<i>Trong đó:</i>						
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	104,45	104,64	104,33	107,15	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	135,91	112,94	109,27	109,77	
	- Dịch vụ	%	101,93	107,32	111,32	108,05	
- Thuế trừ trợ cấp SP	%	109,38	107,48	104,09	101,65		
2	<b>GRDP (giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng	35.103,16	35.789	24.230,24	40.226,01	Vượt KH
	<i>Trong đó:</i>						
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	13.192,41	13.317,3	6.063,84	15.483,26	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	6.877,20	6.771,5	5.881,53	8.077,05	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	13.497,20	14.022,1	11.194,49	14.955,64	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	1.536,35	1.678,0	1.090,38	1.710,06	
<b>GRDP bình quân đầu người</b>	Triệu đồng	52,1	52,9		59,81		
3	<b>Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)</b>		100	100		100	Vượt KH và chưa đạt KH
	<i>Trong đó:</i>						
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	38,11	37,21		38,49	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	18,74	18,92		20,08	
	- Dịch vụ	%	38,69	39,18		37,18	
- Thuế trừ trợ cấp SP	%	4,46	4,69		4,25		
4	<b>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:</b>						Đạt KH
	Tổng số vốn	Tỷ đồng	16.840	19.220	11.678	19.280	
	Chiếm tỉ trọng GRDP (giá HH)	%				0,86322	
5	<b>Thu - Chi ngân sách:</b>						Đạt KH
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	3.517	3.000	2.939	3.475	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	7.064	7.635	5.604	8.968	Đạt KH
	<b>Kết cấu - Hạ tầng</b>						Đạt KH
	<i>Giao thông:</i>						
	Tỷ lệ nhựa hóa chung	%	66	68	67,5	68	
	<i>Đô thị, nhà ở</i>						
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	28	28	28	28	
	Tỉ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100	100	100	100	
Bình quân m2 sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân	m2	24	25	25	25	Đạt KH	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	NĂM 2022			GHI CHÚ
				Kế hoạch	Ước thực hiện 10 tháng 2022	Ước thực hiện	
6	Tỉ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	100	100	100	Đạt KH
	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà	81	13	13	13	Đạt KH
	<b>Cấp điện:</b>						
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,1	99,2	99,2	99,2	Đạt KH
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100	100	100	100	
	<b>Nông nghiệp, thủy lợi:</b>						
	Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%	81	82	81,62	82	Đạt KH
Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91	92	91,7	92		
7	<b>Thương mại, dịch vụ, XNK (theo dõi):</b>						
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	15.579,5	17.200	15.078	17.200	Đạt KH
	Doanh thu du lịch tăng bình quân hằng năm	%	Giảm 15,1% so với cùng kỳ	Tăng 20%/năm		214,10	Đạt KH
	Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm	%	Giảm 44,1% so với cùng kỳ	Tăng 20%/năm		280,60	
	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	971	1.170	761	1.170	Đạt KH
	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	512,6	330	193,1	330	Đạt KH
8	<b>Nông nghiệp (theo dõi):</b>						
	Giá trị sản xuất bình quân trên/01 ha đất nông nghiệp	Triệu đồng	86,04	90		90	Đạt KH
	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	Ha	2.280 (Lũy kế là 24.000 ha)	2.280 (Lũy kế 24.000 ha)	2.423,2	2.423,17	Đạt KH
9	<b>Công nghiệp (theo dõi):</b>						
	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP	%	13,37	8	7,88	11	Vượt KH
10	<b>Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, TTHC (theo dõi):</b>						
	Chỉ số PCI	Thứ hạng	52/63	Tăng từ 1-2 bậc/năm		Tăng 1 bậc	Đạt KH
	Chỉ số PAPI	Thứ hạng	Nhóm thấp nhất	Nhóm TB		Nhóm TB	
	Chỉ số PAR Index	Thứ hạng	41/63	48/63		40/63	
B	<b>CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG</b>						
	<b>Lao động và việc làm:</b>						
	Số lao động được tạo việc làm	Người	18.171	18.000	14.686	20.941	Đạt KH
	Đào tạo nghề	Người	4.900	4.000	5.174	5.766	
	Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	13,20	11,2	11,5	14	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	47,5	50		50	
<b>Giảm nghèo:</b>							

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	NĂM 2022			GHI CHÚ
				Kế hoạch	Ước thực hiện 10 tháng 2022	Ước thực hiện	
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%	11,9	Giảm từ 3% trở lên		Giảm từ 3% trở lên	Đạt KH
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	32,81	Giảm từ 5% trở lên		Giảm từ 5% trở lên	
13	<b>Dân số</b>						Đạt KH
	Dân số trung bình	Người	664.416	676.510		672.547	
	Phân đầu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Số con/phụ nữ	2,56	2,50	2,53	2,56	
14	<b>Y tế:</b>						Đạt KH; chưa đạt KH
	Số giường bệnh/vận dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	19,4	19,8	19,8	19,8	
	Số bác sỹ/vận dân	Bác sỹ	8,1	8,3	8,5	8,5	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	91	92	81,3	92	
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	30,4	29,9	Đang điều tra	27	
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	93,2	≥ 95	57,9	82	
15	<b>Giáo dục:</b>						Vượt KH
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	12	10	10	11	
16	<b>Văn hóa:</b>						Đạt KH
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%	60,56	53	60,56	60,56	
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	86,87	85,5	86,87	86,87	
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	89,9	85,5	89,90	89,90	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	95,92	93	95,92	95,92	
17	<b>Môi trường:</b>						Đạt và vượt KH
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	38,15	38,50	38,15	38,5	
	Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	1.390,82	1.659,5	1.597,98	2.039,6	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường	%	73	75		75	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại	%	80	82	100	100	
18	<b>Nông thôn mới:</b>						Đạt KH
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Tăng thêm 6 xã (lũy kế 35 xã)	Tăng thêm 3 xã	Lũy kế 35 xã	Tăng thêm 3 xã (lũy kế 38 xã)	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	16,42	16,5	16,42	16,42	
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	1	2	0	2	



**Phụ lục II**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CHỦ YẾU NĂM 2022**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 698/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	NĂM 2021				So sánh ước thực hiện năm 2022/Thực hiện năm 2021
				Kế hoạch	Ước thực hiện 10 tháng 2022	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá ước thực hiện so với kế hoạch	
			1	2		3	4=3/2	5=3/1
<b>I</b>	<b>Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu</b>							
<b>1</b>	<b>Trồng trọt</b>							
1.1	Sản lượng lương thực		351.246	354.320	338.790	355.836	100,43	101,31
	+ Sản lượng thóc	Tấn	81.748	75.211	80.178	80.178	106,60	98,08
	+ Sản lượng ngô	Tấn	269.498	279.109	258.612	277.092	99,28	102,82
1.2	Khoai lang	Tấn	96.221	98.219	93.249	97.678	99,45	101,51
1.3	Sắn	Tấn	108.384	131.101		108.500	82,76	100,11
1.4	Rau xanh	Tấn	113.217	99.998	103.279	113.250	113,25	100,03
1.5	Lạc	Tấn	8.443	11.312	6.536	10.000	88,40	118,44
1.6	Đậu nành	Tấn	4.466	8.841	3.851	6.200	70,13	138,83
1.7	Chanh dây	Tấn	19.500	34.907	17.313	26.636	76,30	136,59
1.8	Ca cao	Tấn	307	580	320	320	55,17	104,27
1.9	Cà phê	Tấn	332.620	342.262		344.400	100,62	103,54
1.10	Cao su	Tấn	31.956	34.800	24.360	24.360	70,00	76,23
1.11	Điều	Tấn	17.564	21.862	13.000	15.000	68,61	85,40
1.12	Hồ tiêu	Tấn	54.607	60.605	58.000	58.000	95,70	106,21
1.13	Mắc ca	Tấn	221	414	336	480	115,94	216,89
1.14	Bơ	Tấn	19.163	22.579	11.200	22.000	97,44	114,81
1.15	Sầu riêng	Tấn	13.786	29.014	10.500	16.000	55,15	116,06
<b>2</b>	<b>Chăn nuôi</b>							
2.1	Tổng đàn trâu	Con	5.150	5.000	3.269	5.000	100,00	97,09
2.2	Tổng đàn bò	Con	25.500	31.000	27.190	31.000	100,00	121,57
2.3	Tổng đàn heo	Con	261.010	400.000	418.300	400.000	100,00	153,25
2.4	Tổng đàn gia cầm	Con	2.447.000	2.800.000	2.202.000	2.800.000	100,00	114,43
2.5	Tổng đàn dê	Con	28.620	54.000	42.694	2.800	5,19	9,78
2.6	Thịt hơi các loại	tấn	43.543	52.000		55.000	105,77	126,31
<b>3</b>	<b>Thủy sản</b>							
3.1	Diện tích nuôi	Ha	1.721	1.950	1.950	1.950	100,00	113,31
3.2	Sản lượng thủy sản	Tấn	6.787	8.061	6.220	8.061	100,00	118,77
3.2.1	SL từ nuôi trồng	Tấn	1.034	7.061	5.500	1.000	14,16	96,71
3.2.1	SL từ khai thác	Tấn	5.753	1.000	720	7.061	706,10	122,74
<b>II</b>	<b>Sản phẩm công nghiệp chủ yếu</b>							
2.1	Đá xây dựng các loại	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	1.110	1.326	718.769	1.150	86,73	103,60
2.2	Khí CO2	Tấn	7.843	6.500	3.919	7.500	115,38	95,63
2.3	Gạch xây dựng	Tr.viên	69.510	70	61,75	70.000	100.000	100,70
2.4	Cồn công nghiệp	Tấn	14.173	10.000	13.524	14.500	145	102,31
2.5	Cà phê bột	Tấn	1.700	1.890	1.505	1.890	100,00	111
2.6	Ván MDF	m <sup>3</sup>	50.593	60.000	33.838	52.000	86,67	102,78
2.7	Chế biến cà phê nhân	10 <sup>3</sup> tấn	300	310	216	310	100,00	103
2.8	Bàn, ghế, giường, tủ bằng gỗ các loại	S.phẩm	87.000	110.000	66.237	80.200	72,91	92,18
2.9	Tinh bột sắn	Tấn	26.793	30.000	15.050	30.000	100,0	111,97
2.10	Mủ Cao su (SVR10, RSS...)	Tấn	16.193	14.200	10.918	16.200	114	100,04
2.11	Hạt điều nhân	Tấn	2.551	2.600	1.919	2.600	100,00	101,92

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	NĂM 2021				So sánh ước thực hiện năm 2022/Thực hiện năm 2021
				Kế hoạch	Ước thực hiện 10 tháng 2022	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá ước thực hiện so với kế hoạch	
2.12	Đậu phụng, đậu nành sấy	Tấn	4.300	5.200	1.981	4.500	86,54	104,65
2.13	Bồn Inox, bồn nhựa	Sản phẩm	63.343	100.000	39.480	65.000	65,00	102,62
2.14	Điện thương phẩm	Tr.kwh	733	812	559	812	100,00	110,78
2.15	Điện sản xuất	Tr.kwh	2.050	2.550	1.845	2.550	100,00	124,39
2.16	Nước máy	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	3.805	4.600	3.004	4.200	91,30	110
2.17	Đá sê ốp lát	10 <sup>3</sup> m <sup>2</sup>	800	806	538	806	100,00	100,75
2.18	Sản phẩm Alumin	10 <sup>3</sup> tấn	720	720	524	720	100,00	100,0

**Phụ lục III**  
**XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 698/BC-UBND ngày 25 tháng 1 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	UTH năm 2022	KH năm 2023	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>				
1	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (Giá SS2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>22.334,73</b>	<b>24.010,60</b>	
	<i>Trong đó:</i>				
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	8.484,15	8.866	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	4.495,48	5.075	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	8.404,02	9.076	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	951,08	993	
	<b>Tốc độ tăng trưởng</b>	<b>%</b>	<b>107,76</b>	<b>107,50</b>	
	<i>Trong đó:</i>				
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	107,15	104,50	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	109,77	112,90	
	- Dịch vụ	%	108,05	108,00	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	101,65	104,40	
	2	<b>GRDP (giá hiện hành)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>40.226</b>	<b>46.497</b>
<i>Trong đó:</i>					
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản		Tỷ đồng	15.483,26	17.821	
- Công nghiệp và xây dựng		Tỷ đồng	8.077,05	9.410	
- Dịch vụ		Tỷ đồng	14.955,65	17.325	
- Thuế trừ trợ cấp SP		Tỷ đồng	1.710,06	1.941	
<b>GRDP bình quân đầu người</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>59,81</b>	<b>68,00</b>		
3	<b>Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)</b>		<b>100</b>	<b>100</b>	
	<i>Trong đó:</i>				
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	38,49	38,33	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	20,08	20,24	
	- Dịch vụ	%	37,18	37,26	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	4,25	4,17	
4	<b>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:</b>				
	Tổng số vốn	Tỷ đồng	19.279,8	21.208	
5	<b>Thu - Chi ngân sách:</b>				
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	3.475	3.650	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	8.968	8.653	
	<b>Kết cấu - Hạ tầng</b>				
	<i>Giao thông:</i>				
	Tỷ lệ nhựa hóa chung	%	68	70	
	<i>Đô thị, nhà ở</i>				
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	28	31	
	Tỉ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100	100	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	U'TH năm 2022	KH năm 2023	GHI CHÚ
6	Bình quân m2 sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân	m2	25	25,5	
	Tỉ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	100	
	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà	13	13	
	<b>Cấp điện:</b>				
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,2	99,2	
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100	100	
	<b>Nông nghiệp, thủy lợi:</b>				
	Tỉ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới	%	82	83	
Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92	93		
7	<b>Thương mại, dịch vụ, XNK (theo dõi):</b>				
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	17.200	21.241	
	Doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm	%	214,10		
	Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm	%	280,60	20	
	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.170	1.271	
	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	330	250	
8	<b>Nông nghiệp (theo dõi):</b>				
	Giá trị sản xuất bình quân trên/01 ha đất nông nghiệp	Triệu đồng	90	92	
	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	ha	2.423,17	3.000	
9	<b>Công nghiệp (theo dõi):</b>				
	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP	%	8	9	
10	<b>Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, TTHC (theo dõi):</b>				
	Chỉ số PCI		Tăng 1 bậc	Tăng từ 1-2 bậc	
	Chỉ số PAPI		Nhóm TB	Nhóm TB	
	Chỉ số PAR Index		Nhóm TB	Nhóm TB	
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG</b>				
11	<b>Lao động và việc làm:</b>				
	Số lao động được tạo việc làm	Người	18.000	18.200	
	Đào tạo nghề	Người	5.174	4.000	
	Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	14	15	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	50	48	
12	<b>Giảm nghèo:</b>				
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 3% trở lên	Giảm từ 3% trở lên	
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm từ 5% trở lên	Giảm từ 5% trở lên	
13	<b>Dân số</b>				
	Dân số trung bình	Người	672.547	683.789	
	Phân đầu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)		2,56	2,44	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	U'TH năm 2022	KH năm 2023	GHI CHÚ
14	<b>Y tế:</b>				
	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	19,8	19,8	
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8,5	8,5	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92	92	
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	27	26,7	
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	82	≥95	
15	<b>Giáo dục:</b>				
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	11	11	
16	<b>Văn hóa:</b>				
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%	60,56	61	
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	86,87	87	
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	89,90	90	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	95,92	96	
17	<b>Môi trường:</b>				
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	38,5	39	
	Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	2.039,6	2.000	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường	%	75	76	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại	%	82	90	
18	<b>Nông thôn mới:</b>				
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Tăng thêm 3 xã (lũy kế 38 xã)	Tăng thêm 2 xã	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	16,42	16,8	
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao		2	2	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023		So sánh ước thực hiện	So sánh ước thực hiện	So sánh KH 2023/Ước TH 2022	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	KH năm 2023				
	+ Diện tích	Ha	1.020	1.705	1.350		1.500	79,18	132,35	111,11	
	+ Sản lượng	Tấn	19.500	34.907	26.636		30.000	76,30	136,59	112,63	
9	Ca cao										
	+ Diện tích	Ha	240	444	240		240	54,05	100,03	100,00	
	+ Sản lượng	Tấn	307	580	320		320	55,17	104,27	100,00	
10	Cà phê										
	+ Diện tích	Ha	135.572	130.789	135.000		134.600	103,22	99,58	99,70	
	+ Sản lượng	Tấn	332.620	342.262	344.400		356.250	100,62	103,54	103,44	
11	Cao su	Tấn									
	+ Diện tích	Ha	24.212	25.364	24.212		25.200	95,46	100,00	104,08	
	+ Sản lượng	Tấn	31.956	34.800	10.236		35.200	29,41	32,03	343,88	
12	Điều										
	+ Diện tích	Ha	17.268	16.139	17.200		16.500	106,57	99,61	95,93	
	+ Sản lượng	Tấn	17.564	21.862	15.000		20.000	68,61	85,40	133,34	
13	Hồ tiêu										
	+ Diện tích	Ha	33.532	34.957	33.500		33.600	95,83	99,90	100,30	
	+ Sản lượng	Tấn	54.607	60.605	58.000		59.000	95,70	106,21	101,72	
14	Mắc ca										
	+ Diện tích	Ha	1.680	1.927	1.927		2.500	100,00	114,72	129,74	
	+ Sản lượng	Tấn	221	414	480		600	115,94	216,89	125,00	
12	Sầu riêng	Tấn									
	+ Diện tích	Ha	4.957	4.528	5.000		5.200	110,42	100,88	104,00	
	+ Sản lượng	Tấn	19.163	29.014	22.000		23.100	75,83	114,81	105,00	
13	Bơ	Tấn									
	+ Diện tích	Ha	2.854	3.880	3.000		3.500	77,32	105,10	116,67	
	+ Sản lượng	Tấn	13.786	22.579	16.000		20.000	70,86	116,06	125,00	
<b>b</b>	<b>Chăn nuôi</b>										
1	Đàn trâu	con	5.150	5.000	5.000		4.000	100,00	97,09	80,00	
2	Đàn bò	con	25.500	31.000	31.000		29.000	100,00	121,57	93,55	
3	Đàn lợn	con	261.010	400.000	400.000		420.000	100,00	153,25	105,00	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023		So sánh ước thực hiện	So sánh ước thực hiện	So sánh KH 2023/Ước TH 2022	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	KH năm 2023				
4	Gia cầm	con	28.620	54.000	45.000		45.000	83,33	157,23	100,00	
5	Đàn dê	con	2.447.000	2.800.000	2.800.000		2.800.000	100,00	114,43	100,00	
6	Thịt hơi các loại	tấn	43.543	52.000	55.000		70.000	105,77	126,31	127,27	
<b>c</b>	<b>Thủy sản</b>										
1	Diện tích nuôi trồng	ha	1.721	1.950	1.950		1.912	100,00	113,31	98,05	
2	Sản lượng thủy sản	tấn	6.787	8.061	8.061		8.380	100,00	118,77	103,96	
	+ Sản lượng nuôi trồng	tấn	1.034	1.000	1.000		900	100,00	96,71	90,00	
	+ Sản lượng khai thác	tấn	5.753	7.061	7.061		7.480	100,00	122,74	105,93	
<b>II</b>	<b>Sản phẩm công nghiệp chủ yếu</b>										
1	Đá xây dựng các loại	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	1.110	1.326	1.150	1.420	1.366	86,7	103,6	118,8	
2	Khí CO2	Tấn	7.843	6.500	7.500	5.800	8.000	115,4	95,6	106,7	
3	Gạch xây dựng	Tr.viên	69.510	70.000	70.000	70.000	72.000	100,0	100,7	102,9	
4	Còn công nghiệp	Tấn	14.173	10.000	14.500	12.500	14.500	145,0	102,3	100,0	
5	Cà phê bột	Tấn	1.700	1.890	1.890	2.150	1.970	100,0	111,2	104,2	
6	Ván MDF	m <sup>3</sup>	50.593	60.000	52.000	160.000	60.000	86,7	102,8	115,4	
7	Chế biến cà phê nhân	10 <sup>3</sup> tấn	300	310	310	328	300	100,0	103,3	96,8	
8	Bàn, ghế, giường, tủ bằng gỗ các loại	S.phẩm	87.000	110.000	80.200	152.000	90.000	72,9	92,2	112,2	
9	Tinh bột sắn	Tấn	26.793	30.000	30.000	36.500	32.000	100,0	112,0	106,7	
10	Mủ Cao su (SVR10, RSS...)	Tấn	16.193	14.200	16.200	15.100	16.200	114,1	100,0	100,0	
11	Hạt điều nhân	Tấn	2.551	2.600	2.600	4.800	2.600	100,0	101,9	100,0	
12	Đậu phụng, đậu nành sấy	Tấn	4.300	5.200	4.500	5.508	5.200	86,5	104,7	115,6	
13	Bồn Inox, bồn nhựa	Sản phẩm	63.343	100.000	65.000	152	65.000	65,0	102,6	100,0	
14	Điện thương phẩm	Tr.kwh	733	812	812	2.310	900	100,0	110,8	110,8	
15	Điện sản xuất	Tr.kwh	2.050	2.550	2.550	2.889	2.595	100,0	124,4	101,8	
16	Nước máy	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	3.805	4.600	4.200	6.400	4.600	91,3	110,4	109,5	
17	Đá sè ốp lát	10 <sup>3</sup> m <sup>2</sup>	800	806	806	833	826	100,0	100,8	102,5	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023		So sánh ước thực hiện	So sánh ước thực hiện	So sánh KH 2023/Ước TH 2022	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	KH năm 2023				
18	Sản phẩm Alumin	10 <sup>3</sup> tấn	720	720	720	700	720	100,0	100,0	100,0	
19	Phân bón vô cơ (*)	Tấn					20.000				

Số: /NQ-HĐND Đăk Nông, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Xét Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 cập nhật, điều chỉnh số liệu một số chỉ tiêu kinh tế năm 2022 và xây dựng Kế hoạch năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Mục tiêu tổng quát**

Phần đầu đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tạo động lực thúc đẩy phát triển cho những năm tiếp theo của giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành lĩnh vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và chăm lo đời sống, sức khỏe nhân dân. Quyết liệt và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực hướng trực tiếp phục vụ cho nhu cầu sản xuất nội tỉnh. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao

hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cùng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

## **Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

(1) Tăng trưởng GRDP đạt 7,5%. GRDP bình quân đầu người đạt 68 triệu đồng.

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 21.208 tỷ đồng.

(3) Thu ngân sách nhà nước là 3.650 tỷ đồng.

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 70%; tỷ lệ đô thị hóa 31%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99,2%; tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới đạt 83%.

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18.200 lượt người; đào tạo nghề cho 4.000 người; 15% người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3% trở lên, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

(7) Y tế: Đạt 20,2 giường bệnh/vạn dân; đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% hội.

(8) Giáo dục: Tăng thêm 11 trường đạt chuẩn quốc gia.

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 61%.

(10) Môi trường: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; trồng mới rừng tập trung trong năm 2.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng trên 39%.

(11) Nông thôn mới: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 16,8 tiêu chí trở lên; Tăng thêm 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

*(Chi tiết như phụ lục kèm theo)*

## **Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành với các nhiệm vụ, giải pháp do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp. Theo đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025; kịp thời triển khai các chính sách của Trung ương đảm bảo phù hợp với tình hình của địa phương. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng các nhiệm vụ được giao. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, thời gian còn lại để triển khai Chương trình không nhiều, cần nghiêm túc quán triệt tinh thần về tầm quan trọng và ý nghĩa của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội.

### 3. Nhiệm vụ của các ngành, lĩnh vực chủ yếu

#### a) Về phát triển công nghiệp, năng lượng

Tiếp tục làm việc với cơ quan Trung ương, các ngành, địa phương, các nhà đầu tư để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đề ra giải pháp đồng bộ nhằm triển khai thực hiện phát huy hiệu quả các dự án lớn trên địa bàn tỉnh như: Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2, Nhà máy nhôm Trần Hồng Quân, các dự án năng lượng tái tạo...

#### b) Về phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản gắn với chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới; hướng đến nền nông nghiệp xanh, sạch, thông minh, trách nhiệm, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Rà soát lựa chọn một số cây trồng chủ lực của tỉnh để có kế hoạch cụ thể hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm, sức cạnh tranh trên thị trường, phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng sản xuất nguyên liệu. Tập trung thực hiện hỗ trợ kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu, mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục rà soát lại các dự án nông lâm nghiệp, diện tích đất của các công ty lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý để có giải pháp xử lý phù hợp, đúng quy định; có kế hoạch khôi phục và phát triển rừng bền vững, kiên quyết bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có, phát huy hiệu quả diện tích rừng sản xuất. Đối với diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm cần có kế hoạch, giải pháp phù hợp nhằm tạo sự đồng thuận của người để dân phát triển kinh tế từ rừng.

#### d) Về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 5 năm 2021-2025; sớm hoàn thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân đối với những diện tích đủ điều kiện cấp theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý đô thị, chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy hoạch, công khai minh bạch; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định. Có giải pháp quản lý thị

trường bất động sản để tạo điều kiện thu hút đầu tư và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân.

đ) Về phát triển văn hóa, xã hội

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội phù hợp với tình hình điều kiện thực tế của từng địa phương, nhất là dịp tết nguyên đán và các ngày lễ lớn trong năm.

Tăng cường công tác quản lý các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử nhất là khu vực vườn Quốc gia Tà Đùng, Công viên địa chất toàn cầu, hình thành các chỉ dẫn du lịch, sản phẩm du lịch từng bước đưa du lịch trở thành một trong ba trụ cột kinh tế của tỉnh.

Có giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng giáo dục. Nghiên cứu trình HĐND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách giải quyết tình trạng thiếu giáo viên tại các huyện, thành phố hạn chế tình trạng dạy kê, dạy gác như thời gian qua.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, phân bổ nguồn lực trọng tâm trọng điểm nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; có kế hoạch hỗ trợ các huyện: Tuy Đức, Đắk Glong để đảm bảo đạt chỉ tiêu giảm nghèo từ 3% trở lên, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, an sinh xã hội, các chính sách đối với người có công, gia đình chính sách; kịp thời hỗ trợ các gia đình khó khăn do dịch bệnh.

e) Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả lý nhà nước

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, thực hiện tốt văn hóa công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức. Thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng các nhiệm vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao; thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, có chế tài xử lý đối với cơ quan đơn vị, cá nhân không thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ quyền hạn được giao.

g) Về công tác quốc phòng, an ninh, nội chính và đối ngoại

Giữ vững quốc phòng - an ninh; kiểm soát chặt chẽ tuyến biên giới. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự cấp tỉnh, diễn tập khu vực phòng thủ huyện Đắk Mil và diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã theo kế hoạch. Thực hiện hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ

chức, tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao... Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; tập trung giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu kiện còn tồn đọng kéo dài; các vụ việc phức tạp về an ninh nông thôn, nhất là tại địa bàn các huyện: Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Song.

Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng; có giải pháp nâng cao tỷ lệ thi hành án kinh tế- tham nhũng.

Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội; Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐ, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Trung**

**Phụ lục**  
**XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2023	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>			
1	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (Giá SS2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>24.010,60</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	8.866	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	5.075	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	9.076	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	993	
	<b>Tốc độ tăng trưởng</b>	<b>%</b>	<b>107,50</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	104,50	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	112,90	
	- Dịch vụ	%	108,00	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	104,40	
	2	<b>GRDP (giá hiện hành)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>46.497</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản		Tỷ đồng	17.821	
- Công nghiệp và xây dựng		Tỷ đồng	9.410	
- Dịch vụ		Tỷ đồng	17.325	
- Thuế trừ trợ cấp SP		Tỷ đồng	1.941	
<b>GRDP bình quân đầu người</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>68,00</b>		
3	<b>Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)</b>		<b>100</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	38,33	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	20,24	
	- Dịch vụ	%	37,26	
- Thuế trừ trợ cấp SP	%	4,17		
4	<b>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:</b>			
	Tổng số vốn	Tỷ đồng	21.208	
5	<b>Thu - Chi ngân sách:</b>			
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	3.650	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	8.653	
	<b>Kết cấu -Hạ tầng</b>			
	<i>Giao thông:</i>			
	Tỷ lệ nhựa hóa chung	%	70	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2023	GHI CHÚ
6	<b>Đô thị, nhà ở</b>			
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	31	
	Tỉ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100	
	Bình quân m2 sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân	m2	25,5	
	Tỉ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	
	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà	13	
	<b>Cấp điện:</b>			
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,2	
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100	
	<b>Nông nghiệp, thủy lợi:</b>			
	Tỉ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới	%	83	
Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93		
7	<b>Thương mại, dịch vụ, XNK (theo dõi):</b>			
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	21.241	
	Doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm	%		
	Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm	%	20	
	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.271	
	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	250	
8	<b>Nông nghiệp (theo dõi):</b>			
	Giá trị sản xuất bình quân trên/01 ha đất nông nghiệp	Triệu đồng	92	
	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	ha	3.000	
9	<b>Công nghiệp (theo dõi):</b>			
	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP	%	9	
10	<b>Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, TTHC (theo dõi):</b>			
	Chỉ số PCI		Tăng từ 1-2 bậc	
	Chỉ số PAPI		Nhóm TB	
	Chỉ số PAR Index		Nhóm TB	
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG</b>			
11	<b>Lao động và việc làm:</b>			
	Số lao động được tạo việc làm	Người	18.200	
	Đào tạo nghề	Người	4.000	
	Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	15	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	48	



TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2023	GHI CHÚ
12	<b>Giảm nghèo:</b>			
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 3% trở lên	
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm từ 5% trở lên	
13	<b>Dân số</b>			
	Dân số trung bình	Người	683.789	
	Phần đầu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)		2,44	
14	<b>Y tế:</b>			
	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	19,8	
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8,5	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92	
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	26,7	
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	≥95	
15	<b>Giáo dục:</b>			
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	11	
16	<b>Văn hóa:</b>			
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%	61	
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	87	
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	90	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	96	
17	<b>Môi trường:</b>			
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	39	
	Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	2.000	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường	%	76	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại	%	90	
18	<b>Nông thôn mới:</b>			
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Tăng thêm 2 xã	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	16,8	
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao		2	